

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên năm 2024

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

* Tên công ty bằng tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

* Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

* Tên công ty viết tắt: **PETROCONs**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng.

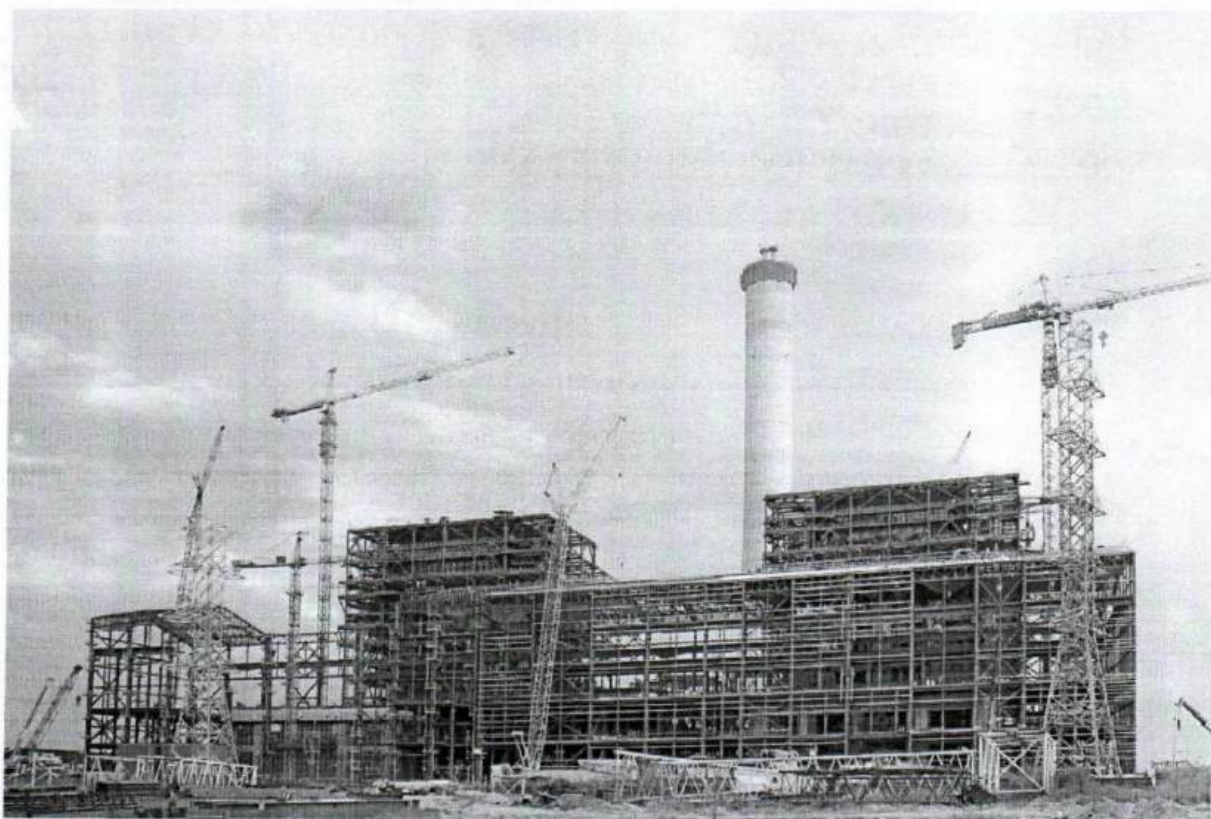
* Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

* Số điện thoại: 0243.7689291

* Số fax: 0243.7689290

* Website: www.pvc.vn/ www.PETROCONs.vn

* Mã cổ phiếu: PVX



2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS) là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PETROVIETNAM/Tập đoàn) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 42 năm qua, PETROCONS nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- **14/9/1983**, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập **Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí** với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi đỗ cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axêtylen, kho đông lạnh, hồ chôn bùn khoan.

- **19/9/1995**, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành **Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)** - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- **1/4/2006**, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, **Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí** chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- **26/10/2007**, Chủ tịch Hội đồng quản trị PETROVIETNAM đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)**.

- **19/8/2008**, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- **2010**, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mỏ Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mỏ Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- **1/2013**, theo đề án tái cơ cấu PETROVIETNAM được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của PVN trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

- **20/01/2022**, Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2022 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK thông qua việc đổi tên viết tắt của Tổng công ty từ PVC thành PETROCONS và Bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- **18/01/2024**, PETROCONS đã thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 22 (Đăng ký kinh doanh lần đầu là ngày 20/12/2007).

Trải qua 42 năm hình thành và phát triển, PETROCONS đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ dịch vụ tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đồng Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và gần nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II, Dịch vụ mua sắm và chế tạo và lắp đặt Grillage trên sà lan nhà ở PTSC OFFSHORE 1 (MDV/POS/23/054), Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió - DA Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204, Chế tạo khối thượng tầng giàn đầu giếng DH01 - Dự án phát triển mỏ Đại Hùng Pha 3, Lô 05.1a, Chế tạo External Platform HĐ số 1610-2023/AECC/PVCMS ký ngày 16/10/2023, Thi công lắp ráp và hàn 8 ladle Hợp đồng số 1811-2023/AECC/PVCMS ký ngày 18/11/2023, Cung cấp cầu cảng neo đậu và dịch vụ hậu cần cho POS theo hợp đồng MDV/POS/23/107 ngày 16/5/2023... đều ghi dấu vai trò quan trọng của PETROCONS.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PETROCONS đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II, ... Các công trình này đến nay đều đã được hoàn thành, bàn giao và đi vào hoạt động.

Đặc biệt, PETROCONS tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận

chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PETROCONS thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông, Dịch vụ mua sắm và chế tạo và lắp đặt Grillage trên sà lan nhà ở PTSC OFFSHORE 1 (MDV/POS/23/054), Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió - DA Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204, Chế tạo khối thượng tầng giàn đầu giếng DH01 - Dự án phát triển mỏ Đại Hùng Pha 3, Lô 05.1a, Chế tạo External Platform HD số 1610-2023/AECC/PVCMS ký ngày 16/10/2023, Thi công lắp ráp và hàn 8 ladle Hợp đồng số 1811-2023/AECC/PVCMS ký ngày 18/11/2023, Cung cấp cầu cảng neo đậu và dịch vụ hậu cần cho POS theo hợp đồng MDV/POS/23/107 ngày 16/5/2023...

PETROCONS không ngừng củng cố, phát triển các lĩnh vực thế mạnh truyền thống như xây dựng hệ thống tàng trữ, vận chuyển các sản phẩm dầu khí, cơ khí lắp đặt và chế tạo các thiết bị dầu khí...

PETROCONS còn khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PETROCONS có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Toà nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Hiện tại, bằng các nỗ lực, PETROCONS đang tham gia đấu thầu tại các dự án trọng điểm của Quốc gia và của ngành như: Nhà máy Ô Môn 4. Năm 2024, Công ty mẹ PETROCONS đã trúng thầu và thực hiện ký mới 05 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 52 tỷ đồng: Mua sắm thiết bị và lắp đặt biến tần điều khiển các quạt khối tổ máy S2 với giá trị 5,6 tỷ đồng; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi – Dự án NMNĐ Quảng Trạch 1 với giá trị 31,795 tỷ đồng; Cải tạo khu nhà vận hành của Dự án NMNĐ Sông Hậu 1 với giá trị 2,695 tỷ đồng; Cải tạo sửa chữa khu rửa thiết bị, thải xỉ NMNĐ Sông Hậu 1 với giá trị 658 triệu đồng và Cung cấp Bơm cấp 1A cho NMNĐ Cao Ngạn với giá trị 11,33 tỷ đồng. Hiện nay, ngoài hợp đồng tại NMNĐ Cao Ngạn có thời gian triển khai thi công trong năm 2025, các gói thầu khác đã được triển khai thi công theo tiến độ.

Trên những chặng đường đã qua, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của PETROVIETNAM và của Đất nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

3.1 Ngành nghề:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PETROCONs là doanh nghiệp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PETROCONs trong 42 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PETROCONs còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.
- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...
- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện.

c. Xây dựng dân dụng

PETROCONs đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PETROCONs còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới.

d. Sản xuất công nghiệp

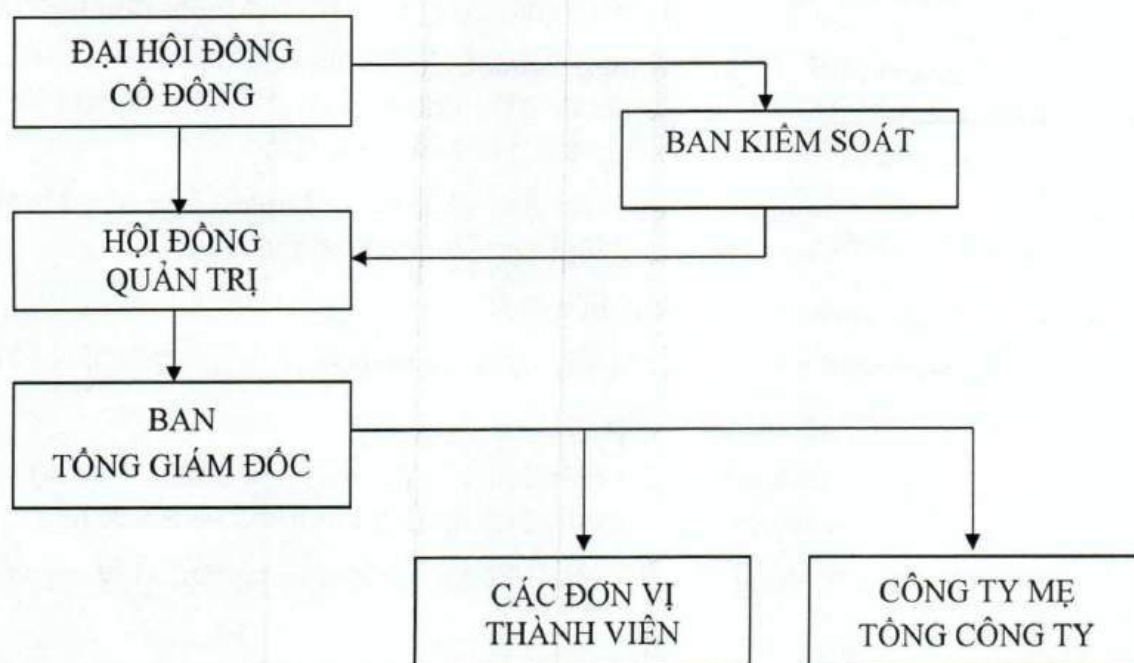
Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PETROCONs chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí và hướng tới thi công các hạng mục điện hạt nhân).

3.2 Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của PETROCONs bao gồm xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng trải rộng trong cả nước. Trong các năm gần đây tập trung doanh thu chủ yếu ở Thái Bình (dự án NMNĐ Thái Bình 2) với tỷ trọng doanh thu chiếm 95% doanh thu Công ty mẹ PETROCONs.

4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết. đầu tư tài chính:

Stt	Tên Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PETROCONS	Lĩnh vực SXKD chính
I	Các Công ty con/chi phối				
1	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	600	50,97%	Khảo sát, tư vấn, thiết kế và bán buôn các thiết bị, máy móc liên quan công trình dầu khí; Gia công cơ khí ...
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	Số 35G đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	200	51%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa; Thi công tác công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, các hệ thống công nghệ, bồn chứa, bồn chịu áp lực, bồn chứa khí hoá lỏng...
3	Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Số 35D đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	300	51%	Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng...; Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp; Đầu tư xây lắp các công trình Dầu khí; Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị...
4	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	Số 458 đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	450	72,22%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh

					doanh BĐS...
5	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PetrCons-Đông Đô)	Tầng 2 tòa nhà Dolphin Plaza 28 Trần Bình - Mỹ Đình -Hà Nội	500	34,87%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh BĐS; XD các công trình kỹ thuật dân dụng khác; XD công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...
6	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	Số 33, Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	365,5	46,51%	Gia công cơ khí; Thoát nước và xử lý nước thải; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...
7	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Lô D khu đô thị Dầu khí, Ngõ Quyền, P1, Cà Mau	280,689	53,44%	Tư vấn lập hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản...
II Các Công ty liên kết, đầu tư tài chính					
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Số 1 ngõ 86 Chùa Hà - Hà Nội	300	35,83%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng trong và ngoài ngành dầu khí, sản xuất gia công kim loại; Kinh doanh bất động sản...
2	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Tầng 4 toà nhà Sannam - phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	500	40%	Thi công xây dựng các công trình dầu khí, các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng, nền móng của toà nhà...
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	Tầng 4 khách sạn Dầu khí, số 427 đường Đà Nẵng - P. Đông Hải 1 - Q.Hải An - Hải Phòng	136,732.5	42,46%	Kinh doanh khách sạn; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, khu công nghiệp, giao thông thủy lợi, khu đô thị, hạ tầng cơ sở...
4	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Tầng 10 tòa nhà PVFC Land - 38A đại lộ Lê Lợi - TP.Thanh Hóa	210	36%	Đầu tư xây dựng (khu công nghiệp, khu đô thị, văn phòng, khách sạn...); Kinh doanh bất động sản; Sản xuất VLXD, Cơ khí...
5	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	KĐT mới Đông Hương - TP.Thanh Hóa	190	30%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Hoạt động tổ chức các sự kiện; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Kinh doanh bất động sản...
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Tầng 9 tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí Đà Nẵng - Lô A2.1 đường 30/4, Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	150	48,27%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...

7	Công ty Cổ phần thiết kế quốc tế Heerim PVC	P.1401 A2 khu Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Hà Nội	8,5	44%	Thiết kế, giám sát, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng...
8	Công ty Cổ phần TM và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petrolink)	Số 12 ngách 15/10 phố Pháo Đài Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	3,6	97,22%	Truyền thông, Tổ chức sự kiện, thương mại
9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC-ID)	Số 1 ngõ 86 Chùa Hà - Hà Nội	40	49,98%	Đầu tư xây dựng, trang trí nội ngoại thất công trình...
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PVNC	Nhà A2/07 Tòa nhà PVNC2-CT2, Số 6 đường Nguyễn Quốc Trị, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, Nghệ An	218,46	22,64%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng và công nghiệp; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	Số 02 Nguyễn Gia Thiều P6, Q3, TP.Hồ Chí Minh	350	24,72%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ kèm theo...
12	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	280 Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	150	15,67%	Thiết kế, xây dựng công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; trang trí nội ngoại thất, kinh doanh VLXD; Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng...
13	Công ty CP Tập đoàn Trường Sơn	Số 251A, đường Quang Trung, phường Phú Hải, Đông Hới, Quảng Bình	75,13	3,99%	Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; thủy lợi, đê kè, bến cảng, cầu cảng; san lấp mặt bằng; Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng...
14	Công ty CP xi măng Hạ Long	Xã Thống Nhất - Hoàn Bồ - Quảng Ninh	1.945,095	7,58%	Sản xuất, kinh doanh xi măng; Khai thác nguyên, nhiên vật liệu và các phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng...
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cảng và hạ tầng Việt Nam (VIPICO)	P1206 tòa nhà 17T2 KĐT Trung Hòa Nhân chính, Cầu Giấy, Hà Nội	250	5%	Sản xuất, mua bán gang thép; Khai thác và chế biến mua bán khoáng sản; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện; Mua bán VLXD, đồ trang trí nội, ngoại thất, thiết bị vệ sinh...
16	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4	A4 lô 11 Định Công, Hà Nội	25	10%	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Trang trí nội, ngoại thất công trình...
17	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Số 1 Đồng Tiến, cụm Công nghiệp An Xá, Nam Định	55,9	5%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất gia công cơ khí; San lấp mặt bằng...

18	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Tầng 5, P502, Số 60 Lê Trung Nghĩa, P12, Q. Tân Bình, TP.HCM	70	20,86%	Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị trong xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng...
----	--	--	----	--------	---

5. Định hướng phát triển của PETROCONs:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của PETROCONs:

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại, phát huy có hiệu quả các nguồn lực, lợi thế hiện có của PETROCONs và các đơn vị; thu gọn mô hình tổ chức SXKD, tập trung và ngành nghề kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Khôi phục hoạt động SXKD của PETROCONs, đạt mục tiêu có lợi nhuận và có lộ trình hoàn vốn điều lệ; từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PETROCONs trong lĩnh vực thi công xây lắp và các lĩnh vực kinh doanh khác của Tổng công ty.

- Xây dựng PETROCONs trở thành một trong những đơn vị dịch vụ kỹ thuật có năng lực, trình độ kỹ thuật cao, Tổng thầu EPC lớn trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình dầu khí.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục xác định ngành nghề kinh doanh chính của PETROCONs là thi công xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Trong đó, Công ty mẹ PETROCONs là tổng thầu EPC các công trình, trực tiếp tổ chức quản lý, điều hành và triển khai các dự án mà PETROCONs là tổng thầu/Nhà thầu.

- Sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả để có cơ cấu hợp lý, tập trung vào lĩnh vực, ngành nghề then chốt và các dự án trọng điểm, từng bước xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh tại thị trường trong nước và dần mở rộng ra thị trường ngoài nước.

- Chuẩn bị từng bước các nguồn lực, tài chính, kỹ thuật công nghệ và đặc biệt nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, nâng cao chất lượng công tác quản trị để sẵn sàng tham gia các dự án lớn, trọng điểm trong thời gian tới, đảm bảo tính chính xác, phù hợp khi xây dựng hồ sơ năng lực tham gia dự thầu.

- Tổ chức sắp xếp, thu gọn các đơn vị thành viên/các công ty con theo hướng chuyên môn hóa vào từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với chuỗi liên kết, ngành nghề kinh doanh của PETROCONs, phân đấu các đơn vị thành viên tự chủ trong hoạt động SXKD không tạo sự cạnh tranh về thị trường giữa các đơn vị thành viên trong Tổng công ty.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030: Giữ vững nguồn việc ổn định, phát triển và tăng trưởng các chỉ tiêu sản lượng doanh thu. Từng bước đưa PETROCONs trở thành đơn vị xây lắp chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong nước.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2031-2035: Tiếp tục giữ vững tỷ lệ tăng trưởng hàng năm, mở rộng thị trường ra ngoài nước. Khẳng định thương hiệu, uy tín của PETROCONs trong lĩnh vực tổng thầu EPC thi công xây lắp trong nước.

6. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2024

6.1 Rủi ro từ bên ngoài:

- Rủi ro về kinh tế:

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, giá cả vật tư, vật liệu, nhiên liệu... cũng như chính sách phát triển sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của PETROCONs nó riêng. Tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; tỷ giá hối đoái, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tiêu cực gây khó khăn cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành xây dựng. Ngoài ra, PETROCONs còn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn trong công tác thu xếp vốn đầu tư, thu xếp mặt bằng của các chủ đầu tư dẫn đến nguồn hợp đồng xây dựng mới trên thị trường bị hạn chế.

- Rủi ro đặc thù:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của PETROCONs là xây dựng - là ngành sản xuất kinh doanh phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro có thể kể đến như: rủi ro từ nguồn thanh toán của chủ đầu tư, rủi ro về thanh toán, rủi ro phát sinh từ yếu tố cạnh tranh, rủi ro về nhân sự, rủi ro về an toàn lao động,...

- Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro trên, PETROCONs cũng luôn phải đối mặt với các rủi ro không lường trước như thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, cháy nổ. Đây là những rủi ro hiếm xảy ra nhưng đòi hỏi doanh nghiệp luôn phải chủ động có phương án phòng ngừa, khắc phục rủi ro thông qua mua bảo hiểm cho nhân viên, tài sản,...

6.2 Rủi ro nội tại:

- PETROCONs còn tồn tại nhiều vướng mắc nội tại như: thiếu vốn, năng lực cạnh tranh thấp, hạn chế trong công tác quản trị,... dẫn đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 của PETROCONs chưa đạt được yêu cầu đề ra.

- Công tác trả nợ gốc và lãi vay đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn: Đến thời điểm 31/12/2024: số dư các khoản nợ vay ủy thác của PETROCONs /các đơn phải trả PVN tại Oceanbank là: Gốc vay ủy thác còn phải trả là 575,67 tỷ đồng, trong đó: các đơn vị sử dụng: 344,67 tỷ đồng; Công ty mẹ PETROCONs sử dụng 230,99 tỷ đồng. Lãi vay PETROCONs còn phải trả PVN tính đến thời điểm 31/12/2024 là: 172,78 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90,079 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả lãi, gốc 82,7 tỷ đồng. Các tài sản/dự án hình thành từ nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn không phát huy được hiệu quả, một số đơn vị của PETROCONs đã chuyển nhượng/sử dụng vào mục đích khác, dẫn

đến PETROCONs khó có khả năng thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn.

- Tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2: PETROCONs đối diện với các rủi ro tiềm ẩn, chưa lường hết như: i) Rủi ro phát sinh chi phí do dự án chậm tiến độ và chậm điều chỉnh Hợp đồng EPC; ii) PETROCONs có thể phải đối diện với việc bị phạt hợp đồng với các nhà thầu phụ do chậm thanh toán vì PETROCONs thiếu hụt dòng tiền và dự án bị điều chỉnh tiến độ; iii) Những vướng mắc liên quan tới công tác gia hạn hợp đồng với SDC, hợp đồng chạy thử,... nếu không được giải quyết những rủi ro tiềm ẩn này có nguy cơ cao gây lỗ cho PETROCONs. Hiện nay, các khoản chi phí này chưa được các bên thống nhất số liệu.

- Đối với các công trình/dự án đã hoàn thành, đang chờ quyết toán như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch, dự án Ethanol, dự án PVTex,... khi quyết toán/bàn giao các Dự án/Hợp đồng đều tồn tại và tiềm ẩn các rủi ro liên quan đến việc cắt giảm khối lượng/thực hiện, ghi nhận tăng chi phí thực hiện theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Tiềm ẩn rủi ro về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán như đã trình bày ở trên. Tổng các nghĩa vụ bảo lãnh của PETROCONs đến nay là 266,846 tỷ đồng.

- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PETROCONs từ các khoản đầu tư tài chính như đã trình bày ở trên. Hầu hết các đơn vị đều đối diện với việc kinh doanh thua lỗ trong các năm tiếp theo nên sẽ tiềm ẩn phải tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính bổ sung.

- Tiềm ẩn rủi ro trong trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PETROCONs tại 31/12/2024 là 1.655,81 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 1.632,92 tỷ đồng và phải thu dài hạn là 22,89 tỷ đồng. Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi (ngắn hạn) là 878,24 tỷ. PETROCONs cũng đối diện với tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong các năm tiếp theo.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ HTKH năm 2024	Tỷ lệ TH 2024/ TH 2023
1	Giá trị SXKD					
	Hợp nhất	912,38	1.532,00	982,88	64%	108%
	Công ty mẹ	441,36	884,00	261,84	30%	59%

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ HTKH năm 2024	Tỷ lệ TH 2024/ TH 2023
2	Tổng doanh thu					
	Hợp nhất	1.237,96	1.704,00	1.317,87	77%	106%
	Công ty mẹ	765,74	1.055,00	609,04	58%	80%
3	Lợi nhuận trước thuế					
	Hợp nhất	(267,12)	3,70	4,81	130%	
	Công ty mẹ	(162,65)	9,48	4,12	43%	
4	Lợi nhuận sau thuế					
	Hợp nhất	(265,22)	3,70	2,61	71%	
	Công ty mẹ	(162,65)	9,48	4,12	43%	

- Về chỉ tiêu giá trị SXKD và doanh thu:

Trong năm 2024, giá trị SXKD và doanh thu của Công ty mẹ đạt được phần lớn từ dự án NMNĐ Thái Bình 2 và ghi nhận doanh thu từ công tác hoàn thành quyết toán công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình, giá trị 42,53 tỷ đồng. Bên cạnh đó, PETROCONS cũng triển khai một số công trình/ dự án mới, tuy nhiên giá trị không cao.

Nguyên nhân PETROCONS không hoàn thành kế hoạch giá trị SXKD và doanh thu chủ yếu do: Một số dự án dự kiến thực hiện trong năm 2024 đến nay chưa triển khai được do chủ đầu tư giãn kế hoạch triển khai (khu nhà ở CBCNV NMNĐ Thái Bình 2, Nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV, Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1...), Một số dự án/gói thầu không trúng thầu (Thi công xây dựng tuyến kênh dẫn nước làm mát từ cửa nhận đến StopLog của trạm bơm nước làm mát- Dự án NMNĐ Quảng Trạch 1, Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Sông Hậu 1,...); Công tác lập hồ sơ thanh quyết toán, thu hồi công nợ tại các dự án PETROCONS đã hoàn thành công tác thi công như NMNĐ Vũng Áng 1, Dự án Cơ sở hạ tầng TTĐL lực Quảng Trạch - Quảng Bình, NMNĐ Quảng Trạch I, Hạng mục dùng chung TTĐL Thái Bình..., còn nhiều tồn đọng. Ngoài ra, công tác thanh quyết toán các gói thầu C11, C15 thuộc dự án NMNĐ Sông Hậu 1 còn chậm, do kéo dài thời gian trong công tác thống nhất điều chỉnh đơn giá và thẩm tra dự toán; đồng thời phải chờ tổng thầu Lilama hoàn thành công tác quyết toán hợp đồng EPC với Chủ đầu tư sau đó sẽ quyết toán tương ứng với PETROCONS.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận của Công ty mẹ chủ yếu ghi nhận lãi trong năm 2024 từ công tác đàm phán giảm trừ công nợ với một số nhà thầu Sojit, Quingiao, Sotec,... tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 với giá trị khoảng 38 tỷ đồng, thực hiện thu hồi/ xử lý nợ chèo từ đó hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu 47 tỷ đồng và lãi từ hoạt động tài chính. Bên cạnh đó, Công ty mẹ PETROCONS thực hiện hạch toán các khoản chi phí quản lý, trích lập dự phòng đầu tư tài chính do các đơn vị thành viên thua lỗ, hạch toán lỗ từ hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2.

- Lũy kế của Công ty mẹ đến thời điểm 31/12/2024 là 3.765,93 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONs tại thời điểm 31/12/2024 là 311,53 tỷ đồng, tăng 1,34% so với thời điểm đầu năm.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, gồm 5 thành viên, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức danh	Tỷ lệ đại diện vốn của Tập đoàn	Ghi chú
1	Trần Quốc Hoàn	10/12/1973	Nghệ An	Nhà số 10 Ngách 127/30, phố Văn Cao, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội	Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân ngoại ngữ - Tiếng Anh	Tổng giám đốc		
2	Nguyễn Văn Đồng	30/4/1965	Bình Định	TL06-28 Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Phó Tổng giám đốc		
3	Bùi Sơn Trường	24/3/1970	Nghệ An	Số 20 ngõ 158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, Hà Nội	Thạc sĩ QTKD Kỹ sư - ngành cơ khí chế tạo máy	Phó Tổng giám đốc		
4	Phạm Trung Kiên	26/6/1978	Bắc Ninh	Số 33, Đường V, Tổ Nông Lâm, Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Kỹ sư Máy và thiết bị công nghiệp Hoá chất - Dầu khí	Phó Tổng giám đốc		
5	Vũ Minh Công	30/01/1979	Nam Định	Phòng 801, chung cư Seaview 2, phường 10, Thành phố Vũng Tàu.	Cử nhân Kinh tế	Kế toán trưởng		

- Những thay đổi trong Ban điều hành (trong năm 2024):

Ông Vũ Mạnh Quang (cán bộ biệt phái của Tập đoàn) thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 30/5/2024.

- Số lượng CBCNV: Tổng số CBCNV tính đến 31/12/2024 của PETROCONs là 1.279 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 198 người. Không có thay đổi chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn bao gồm đầu tư tài chính, đầu tư các dự án:

- Đầu tư các dự án: Năm 2024, PETROCONs và các đơn vị thành viên không thực hiện đầu tư dự án.

- Đầu tư tài chính: Năm 2024, Công ty mẹ PETROCONs không thực hiện công tác đầu tư tài chính bổ sung. Đến thời điểm hiện tại, PETROCONs đang góp vốn tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, 11 đơn vị đơn vị liên kết là 735,45 tỷ đồng và 07 đơn vị đầu tư tài chính khác là 206,20 tỷ đồng. Tổng giá trị trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm 2024 là 12,76 tỷ đồng. Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ước đến thời điểm 31/12/2024 là 1.796,242 tỷ đồng/2.326,55 tỷ đồng đầu tư tài chính, chiếm 77,2% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONs.

b) Tóm tắt hoạt động các công ty con, công ty liên kết:

- Các công ty con:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PETROCONS	Doanh thu năm 2024	Lợi nhuận sau thuế năm 2024
1	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	600,00	50,97%	579,63	9,95
2	CTCP Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	300,00	51,00%	15,27	0,37
3	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	200,00	51,00%	103,40	1,22
4	CTCP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	365,50	46,51%	22,59	0,45
5	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	280,69	53,44%	0,09	(0,53)
6	CTCP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	450,00	72,22%	145,78	(37,61)
7	CTCP Dầu khí Đông Đô (PETROCONS Đông Đô)	500,00	34,87%	78,35	0,38

- Các công ty liên kết:

Hiện PETROCONS có 11 công ty liên kết với tổng giá trị đầu tư góp vốn là 735,45 tỷ đồng. Lũy kế trích lập giảm giá đầu tư tài chính tại các công ty liên kết đến thời điểm 31/12/2024 là 703,24 tỷ đồng bằng 96% tổng giá trị đầu tư. Trong năm 2024, phần lớn các đơn vị liên kết của PETROCONS còn lại đều có kết quả kinh doanh thua lỗ, lỗ lũy kế lớn dẫn đến năng lực tiếp thị đầu thầu không có, không có nguồn việc hoặc nguồn việc rất hạn chế. Một số đơn vị trước kia có lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính là đầu tư kinh doanh bất động sản đến nay vẫn tiếp tục phải chịu các chi phí lãi vay, khấu hao đối với các bất động sản tồn đọng chưa thể thoái vốn/ thu hồi vốn đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư tài chính khác:

Đến thời điểm báo cáo, PETROCONS chưa nhận được BCTC năm 2024 của các đơn vị đầu tư tài chính.

4. Tình hình tài chính**a) Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ Tiêu (Báo cáo Tài chính Công ty Mẹ)	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng giảm
A	1	2	3=2/1
1. Tổng giá trị tài sản	4.352.023.471.014	4.463.223.410.959	103%
2. Doanh thu thuần	609.044.259.665	765.736.617.243	126%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(35.862.555.256)	(160.362.844.517)	447%
4. Lợi nhuận khác	39.983.446.416	(2.289.917.221)	-6%
5. Lợi nhuận trước thuế	4.120.891.160	(162.652.761.738)	3.947%
6. Lợi nhuận sau thuế	4.120.891.160	(162.652.761.738)	3.947%
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
A	1	2	3
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,94	0,93	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,58	0,57	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,93	0,93	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	12,97	13,52	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	0,39	0,49	
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu Thuần/Tổng tài sản BQ	0,14	0,17	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	0,01	-0,21	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu	0,01	-0,53	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Tổng tài sản	0,001	-0,04	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,06	-0,21	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Vốn điều lệ của PETROCONS là: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ Tổng công ty được chia thành 400.000.000 (Bốn trăm triệu) cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

Mã cổ phiếu: PVX. Hiện đang giao dịch trên sàn UpCoM.

Tất cả các cổ phần của PETROCONS đều là cổ phần phổ thông và được tự do chuyển nhượng.

b. Cơ cấu cổ đông:

Trong 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn) vốn điều lệ; Vốn nhà nước do PETROVIETNAM nắm giữ là 2.178.733.330.000 đồng, tương đương 217.873.333 cổ phần, chiếm 54,47%.

* 03 thành viên HĐQT là Người đại diện quản lý vốn của Tập đoàn tại PETROCONS là:

+ Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL tương đương 100.000.000 cổ phần.

+ Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL tương đương 60.000.000 cổ phần.

+ Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc đại diện quản lý 14,47% VDL tương đương 57.873.333 cổ phần.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm 2024, PETROCONS không thay đổi giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Lịch sử và các đợt tăng vốn kể từ khi thành lập/cổ phần hóa đến 31/12/2024:

Tiền thân của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam là *Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí*, được thành lập ngày 14/9/1983, theo quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983).

Ngày 17/3/2005, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là PETROVIETNAM) đã phê duyệt Đề án và quyết định chuyển đổi Công ty PVECC thành Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí và ngày 1/4/2006, sau gần 2 năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, công ty đã chính thức đi vào hoạt động. Năm 2007, Chủ tịch HĐQT PETROVIETNAM đã ký nghị quyết số 3604/NQ-DKVN về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- 21/11/2007 Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí với Vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

- 27/6/2008 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.

- 16/5/2009 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua kế hoạch niên yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- 19/8/2009 Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam thực hiện niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- 20/01/2010 Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

- Tăng vốn điều lệ của PETROCONS từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 23/4/2011 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011. Kết quả đợt tăng: 4.000 tỷ đồng.

- Cụ thể Vốn điều lệ qua các năm:

+ Năm 2007: 150 tỷ đồng.

+ Năm 2008: 1.500 tỷ đồng.

+ Năm 2009: 1.500 tỷ đồng.

+ Năm 2010: 2.500 tỷ đồng.

+ Năm 2011: 2.500 tỷ đồng.

+ Năm 2012 đến 31/12/2024: 4.000 tỷ đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PETROCONS

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát khí thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không đáng kể.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: hưởng ứng các chương trình giảm thiểu phát thải khí nhà kính của Chính phủ như tăng cường sử dụng phương tiện vận tải tập thể, đường biển, phương tiện vận tải sử dụng nhiên liệu sinh học và điện.

Trong các thiết kế và xây dựng: sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, gạch không nung, giảm ứng dụng nhôm kính kim loại nặng,,,

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:

- Sắt thép các loại: 10.155 tấn;
- Vật tư sơn và làm sạch: 45.000 lít;
- Vật tư tôn: 36.952 m;
- Tấm lợp sáng: 4.767 m;
- Grating: 40.704 kg;
- Ván khuôn: 2.402 m²;
- Bê tông các loại: 3.115 m³;
- Sika: 25 tấn;
- Cấp phối đá dăm 17.820 m³;
- Cát san nền 43.748 m³;
- Dầu DO 0.05S-III 35.963 lít;
- Xăng RON95-III 1.064 lít;
- Sơn: 9.950 lít;
- Dung môi 5.000 lít;
- Cốp pha các loại: 979,4 tấn;
- Dây điện: 3.500m.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức: 0%

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ điện năng: 4.963.485 kWh;
- Dầu Diezen: 185.050 lít;
- Khí ga: 3.671 kg.

b) **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:** không có.

c) **Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này:** không có.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:** 41.357 m³

b) **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) **Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** không lần.

b) **Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** không đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) **Số lượng lao động:** tính đến 31/12/2024, Tổng số CBCNV của PETROCONs là 1.279 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 198 người.

- Thu nhập bình quân đầu người trong toàn Tổng công ty năm 2024 đạt 11,42 triệu đồng/người/tháng.

b) **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi:** Thực hiện nghiêm túc công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, người lao động.

c) **Hoạt động đào tạo:** Năm 2024, Tổng công ty triển khai thực hiện đào tạo 1.613 lượt người với tổng chi phí đào tạo là 3,4 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ PETROCONs cử 181 lượt người tham gia các khóa đào tạo với chi phí đào tạo là 875 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:
Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu, cụ thể:

Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu:

- Thực hiện nghiêm túc công tác Quân sự, An ninh - Quốc phòng, Dân quân tự vệ. Tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ, tham gia công tác giáo dục bồi dưỡng kiến thức ANQP, huấn luyện quân sự và các hoạt động Quốc phòng khác tại địa phương.

- Phối hợp với Công An địa phương thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ An ninh - Tổ quốc trong năm 2024.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Căn cứ Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 15/8/2024 của Bộ Tài chính về việc Ban hành kế hoạch hành động của Bộ tài chính thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030; trong khi chờ hướng dẫn và triển khai từ Tập đoàn, PETROCONs đang nghiên cứu Quyết định và chuẩn bị tâm thế triển khai. Thứ nhất, nâng cao nhận thức về các vấn đề phát triển bền vững để doanh nghiệp biết họ cần làm gì trong lĩnh vực của mình và trong thị trường vốn. Thứ hai, xây dựng các bộ tiêu chuẩn để căn cứ vào đó xác định chuẩn đầu tư xanh nói chung. Thứ ba, tăng cường công bố thông tin, vì nhà đầu tư nước muốn có thông tin để đảm bảo khoản đầu tư của mình được sử dụng đúng mục đích hay không.

Trước mắt, PETROCONs nhận thức định kỳ, thường xuyên lập kế hoạch SXKD, bám sát thực hiện kế hoạch đã đề ra và được Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua hằng năm. PETROCONs đã xây dựng chiến lược phát triển với tầm nhìn ngắn hạn và dài hạn, kịp thời điều chỉnh kế hoạch và chiến lược để thích nghi các thay đổi về vi mô và vĩ mô của nền kinh tế, của ngành và của nội tại doanh nghiệp để giữ cho doanh nghiệp phát triển bền vững nhất có thể.

Ngoài ra, PETROCONs luôn tuân thủ Luật, Nghị định và các Thông tư liên quan đến các lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là lĩnh vực Tài chính, chứng khoán để minh bạch thông tin, minh bạch số liệu và sức khỏe doanh nghiệp nhằm tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư và phục vụ các công tác quản lý của Nhà nước, quản trị của Doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Kết quả hoạt động SXKD năm 2024 của PETROCONs đã được nêu tại phần II.1- Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2024. Theo đó, PETROCONs đã không hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, cụ thể:

- Về chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh: Toàn tổ hợp thực hiện 982,88 tỷ đồng đạt 64% kế hoạch năm 2024 và bằng 108% so với thực hiện năm 2023. Trong đó, Công ty mẹ thực hiện 261,84 tỷ đồng đạt 30% kế hoạch năm 2024 và bằng 59% so với thực hiện năm 2023.

- Về chỉ tiêu doanh thu: Toàn tổ hợp thực hiện 1.317,87 tỷ đồng đạt 77% kế hoạch năm 2024 và bằng 106% so với thực hiện năm 2023. Trong đó, Công ty mẹ thực hiện 609,04 tỷ đồng đạt 58% kế hoạch năm 2024 và bằng 80% so với thực hiện năm 2023.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: Toàn tổ hợp lãi 4,81 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ lãi 4,12 tỷ đồng.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế: Toàn tổ hợp lãi 2,61 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ lãi 4,12 tỷ đồng.

- Lũy kế của Công ty mẹ đến thời điểm 31/12/2024 là 3.765,93 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2024 là 311,53 tỷ đồng.

- Một số kết quả tích cực đã đạt được của PETROCONS trong năm 2024 như sau:

+ Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm nguồn việc bổ sung cho các năm sau. Kết quả Công ty mẹ PETROCONS đã trúng thầu và thực hiện ký mới 05 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 52 tỷ đồng. Tại các đơn vị thành viên đã ký kết được 45 hợp đồng/phụ lục hợp đồng với tổng giá trị xấp xỉ 1.200 tỷ đồng.

+ Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, đã thực hiện đàm phán giảm trừ công nợ phải trả, giảm chi phí với một số nhà thầu Sojit, Quingiao, Sotec,... với giá trị hơn 38 tỷ đồng. Đối với công nợ phải thu đã thực hiện rà soát, xử lý/ thu hồi nợ chéo qua đó hoàn nhập chi phí đã trích lập phải thu hơn 47 tỷ đồng.

+ Hoàn thành quyết toán dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình, ghi nhận doanh thu 42,53 tỷ đồng.

+ PETROCONS đã thực hiện rà soát lại toàn bộ thực trạng, tình hình thực hiện công tác tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên có tiềm lực. Qua đó đưa ra các giải pháp nhằm tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh để đến hết năm 2025 giải quyết tối đa các vướng mắc, tồn tại của Công ty mẹ và tại các đơn vị thành viên, từng bước khôi phục lại hoạt động SXKD, nâng cao cơ hội thoái vốn.

+ Trong năm 2024, PETROCONS đã tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn luật thực hiện các công tác pháp chế nhằm bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của PETROCONS tại các vụ kiện, công tác thi hành án có liên quan đến PETROCONS như: tranh chấp giữa PETROCONS và SDC, thu hồi công nợ PVR, tranh chấp với Lisemco, công tác thi hành án tại vụ kiện Tranh chấp hợp đồng thông quan vận chuyển nội địa với liên danh Thành Trang-Tagi,... Kết luận tại các bản án: PVR phải trả PETROCONS 49 tỷ đồng, Lisemco phải hoàn trả tài sản cho PETROCONS hoặc tương đương bằng tiền 40 tỷ đồng, Thành Trang-Tagi phải trả 23 tỷ đồng, nhận bàn giao thực địa và giấy chứng nhận sở hữu khu đất 3.400m² tại thị trấn Tam Đảo do Công ty Mai Phương hoàn trả theo quyết định thi hành án của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Hiện PETROCONS đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để yêu cầu giải quyết thi hành án và thực hiện phúc thẩm đối với vụ kiện PVR do PVR đã đệ đơn kháng cáo và thực hiện đăng ký biến động sang tên đối với khu đất tại Tam Đảo.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông, thường niên năm 2025 của PETROCONS, dự kiến diễn ra vào ngày 28/5/2025. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên tổ chức/phối hợp với đơn vị tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của các đơn vị theo quy định.

2. Tình hình tài chính (Công ty mẹ)

a. Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản tại 31/12/2024 là 4.352 tỷ đồng giảm 111,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 do cả 2 chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều giảm. cụ thể: tài sản ngắn hạn giảm 94,6 tỷ đồng từ 3.733,57 tỷ đồng xuống 3.638,9 tỷ đồng; tài sản dài hạn giảm 16,6 tỷ đồng từ 729,65 tỷ đồng xuống 713 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn tại 31/12/2024 là 4.352 tỷ đồng giảm 111,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 do giảm chỉ tiêu Nợ phải trả và tăng vốn chủ sở hữu. Chỉ tiêu Nợ phải trả giảm 115,8 tỷ đồng từ 4,155,8 tỷ đồng xuống 4.040 tỷ đồng; Chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu tăng 4,12 tỷ đồng từ 307,4 tỷ đồng lên 311,5 tỷ đồng.

- Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ PETROCONs năm 2023 bị lỗ 162,652 tỷ đồng. Tại 31/12/2023, lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ PETROCONs là 3.770,052 tỷ đồng. Với các nỗ lực tăng cường tìm kiếm việc làm mới, thu hồi công nợ và tiết giảm chi phí, xử lý các vấn đề tồn đọng, năm 2024, PETROCONs đã có lợi nhuận trở lại. Cụ thể, năm 2024, Công ty mẹ PETROCONs đã ghi nhận lãi 4,12 tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2024 biến động so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do các các chỉ tiêu chi tiết sau:

+ Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tiền và các khoản tương đương tiền) tăng trong kỳ là 104,1 tỷ đồng từ 250,48 tỷ đồng lên 354,571 tỷ đồng. Các nguồn thu và chi năm 2024 của PETROCONs được trình bày chi tiết tại báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ - Mẫu số B03-DN – Báo cáo tài chính Công ty mẹ). Tiền và các khoản tương đương tiền tại 31/12/2024 bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 354,57 tỷ đồng (trong đó: Tiền mặt và TGNH không kỳ hạn là 198,5 tỷ đồng) và 156 tỷ đồng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại NH BIDV CN Hà Đông, là nguồn tiền phục vụ chủ yếu cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và chi phí quản lý của Công ty mẹ Tổng công ty... với lãi suất từ 2,3% đến 2,9%/năm.

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn của PETROCONs tại 31/12/2024 là 154,5 tỷ đồng, giảm 51,73 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 51,73 triệu đồng đến từ việc khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hà Đông và tại 31/12/2024 có giá trị là 153,7 tỷ đồng với lãi suất từ 4%/năm đến 4,9%/năm, đang được cầm cố cho các khoản vay tại Ngân hàng này. Ngoài ra còn có khoản chứng khoán kinh doanh tại Công ty CP thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí là 14,6 tỷ đồng, trong đó đã được trích lập 13,885 tỷ đồng.

+ Tại 31/12/2024, PETROCONs đang đầu tư góp vốn vào 7 công ty con, 11 công ty liên doanh liên kết, 6 công ty khác với tổng giá trị đầu tư vào các công ty là 2.311,954 tỷ đồng (vào 7 công ty con là 1.384,909 tỷ đồng; 11 công ty liên doanh liên kết: 735,449 tỷ đồng; đầu tư vào 6 công ty khác là 191,595 tỷ đồng). Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn lũy kế đến 31/12/2024 là 1.796,24 tỷ đồng, tăng 26,66 tỷ đồng so với năm 2023 (Tăng trích lập DPTC tại PVC-Thái Bình: 27,155 tỷ đồng, giảm tại PVC-MS là 4

tỷ đồng, giảm tại ĐOBC là 623 triệu đồng, tăng trích lập tại Petrolink là 900 triệu đồng, giảm tại PVC-KB là 10 tỷ đồng).

+ Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 130,3 tỷ đồng từ 1.439,64 tỷ đồng xuống 1.309,3 tỷ đồng. Số liệu này biến động do giảm phải thu ngắn hạn tại BQL DA NMNĐ Thái Bình 2 là 173,811 tỷ đồng, giảm phải thu ngắn hạn tại Viện Dầu khí Việt Nam là 5,6 tỷ đồng; trong khi tăng phải thu PVNC là 49,2 tỷ đồng.

+ Trả trước cho người bán ngắn hạn tại 31/12/2024 là 558,6 tỷ đồng, giảm 17,4 tỷ đồng so với năm 2023, trong đó Tổng công ty đã trích lập DP là 206,131 tỷ đồng tại 31/12/2024. Cụ thể: Trả trước cho Công ty CP đầu tư xây dựng cảng và hạ tầng Việt Nam là 113,386 tỷ đồng; cho PVC-HN là 108,8 tỷ đồng và các đối tượng khác là 336,43 tỷ đồng.

+ Phải thu về cho vay ngắn hạn tại 31/12/2024 là 355,676 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty đã thực hiện trích lập 269,17 tỷ đồng dự phòng. Phải thu về cho vay ngắn hạn tại 31/12/2024 bằng tại thời điểm 31/12/2023. Trong năm không có phát sinh tăng, giảm đối với chỉ tiêu này.

+ Phải thu ngắn hạn khác trong kỳ tăng 13,2 tỷ đồng so với cùng kỳ 2023. Hiện khoản phải thu khác ngắn hạn 31/12/2024 là 286,75 tỷ đồng, thay đổi chủ yếu do phải thu về lãi tiền gửi là 2,25 tỷ đồng, nhưng giảm về phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia là 670 triệu đồng, về tạm ứng là 202 triệu đồng, về lãi cho vay và hỗ trợ vốn ký cược, ký quỹ, nghĩa vụ bảo lãnh (NH đã khấu trừ TK của Tổng công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng công ty đứng ra bảo lãnh), lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả.

+ Phải thu về ký cược, ký quỹ dài hạn trong kỳ không tăng và hiện đang dư phải thu bằng số ký cược, ký quỹ tại 31/12/2023 là 22,893 tỷ đồng. Đây là khoản để bảo lãnh thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

+ Công tác thu hồi và xử lý nợ:

Tổng công ty thường xuyên đối chiếu, rà soát thực hiện các thủ tục bù trừ, thu hồi được số công nợ tồn đọng số tiền 5.588 tỷ đồng trong năm 2024 theo như kế hoạch đã đề ra, cụ thể: TID (0,288 tỷ đồng); PVNC (2,716 tỷ đồng); PVC-ME (0,1 tỷ đồng); PVC-Đông Đô (0,731 tỷ đồng); Vinaconex 39 (1,753 tỷ đồng).

Đối với công nợ tạm ứng cá nhân hiện tại Công ty mẹ Tổng công ty đang thực hiện trừ lương đối với các cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc tại Tổng công ty mà còn số dư công nợ tạm ứng tồn đọng (tiếp tục khấu trừ 10% lương CNCNV hiện đang công tác tại văn phòng công ty mẹ PETROCONS hiện có dư tạm ứng quá hạn).

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, PETROCONS tiếp tục tập trung phối hợp, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện xử lý để PETROCONS thu hồi một số khoản công nợ đang thực hiện/chưa hoàn thành xử lý thu hồi và một số khoản nợ chi tiết theo kế hoạch đã đề ra như: PVC-HN và PVC-ME tiền thuê văn phòng tòa nhà San Nam (Đối với nguồn thu của PVC-HN được thanh toán cho

thuê văn phòng Sannam, PETROCONS sẽ thu hồi toàn bộ nguồn thu này theo tiến độ hợp đồng PVC-HN ký với Công ty Sannam để cân trừ nợ với PVC-HN; Công nợ với PVC-ME: thu hồi phần diện tích 407m2 văn phòng đang quản lý sử dụng/khai thác cho PETROCONS để cân trừ công nợ, hiện nay Ban KHĐT&TCC/TCKT&KT phối hợp tiến hành thanh lý hợp đồng thuê văn phòng với PVC-ME, làm việc với Công ty TNHH San nam về công nợ giữa PVC-ME và Sannam phục vụ cho việc bàn giao phần diện tích văn phòng về Tổng công ty); thu hồi nợ PVNC thông qua thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 bằng việc mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2, các nhà thầu phụ tại dự án NMNĐ Vũng Áng... Bên cạnh đó, tiếp tục nghiên cứu thu hồi các khoản công nợ khác đủ điều kiện không nằm trong kế hoạch xử lý nợ năm 2024.

Đôn đốc thu hồi nợ các đơn vị thanh toán công nợ đến và quá hạn, số dư tạm ứng tại các dự án/công trình PETROCONS thực hiện với vai trò là Tổng thầu/Nhà thầu chính: Tổng công ty đã phát hành các văn bản/đơn đốc yêu cầu các đơn vị thanh toán công nợ đến và quá hạn, số dư tạm ứng tại các dự án/công trình PETROCONS thực hiện với vai trò là Tổng thầu/Nhà thầu chính để các đơn vị phối hợp thực hiện và phục vụ công tác báo cáo hậu Thanh tra, cụ thể: PVC-SG, CTCP Năng lượng Việt, Vạn Khởi Thành, PVC-Metal, Ban QLDA Nghi Sơn, Vinaconex 39, Heerim PVC, PVNC, PVC HN, PVC Kinh Bắc, PVC Đông Đô, PVE, PVC Land, PVIT, PVC-ME, PVC-MT, PVC2, PEC Hà Nội, PVC-3C, Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô, PVComBank, IMICO (nay là VIPICO), PVR Hà Nội, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn, VPI, Công ty CP TID, Bạch Đằng 201, Công ty TNHH XD Hoàng Long, Công ty TNHH XD Đại An Phát, Lam Kinh. Hiện đang tiếp tục rà soát, đôn đốc thu hồi, tập hợp các hồ sơ chứng từ để cung cấp/hoàn thiện các thủ tục nội bộ nhằm giải quyết dứt điểm các khoản nợ tồn đọng giữa các bên.

Tiếp tục rà soát các khoản dư tạm ứng của các nhà thầu phụ thi công tại dự án Vũng Áng – Quảng Trạch, xây dựng phương án thu hồi khả thi (tiến hành khởi kiện đối với các hợp đồng đủ điều kiện).

+ Hàng tồn kho trong kỳ giảm 53,397 tỷ đồng từ 1.437,002 đồng tại 31/12/2023 xuống 1.383,604 tỷ đồng tại 31/12/2024. Nguyên nhân chính do biến động bởi Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại DA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

+ Tài sản dở dang dài hạn của PETROCONS không có biến động trong kỳ khi tại 31/12/2024 và cuối kỳ năm 2023 đều là 158,16 tỷ đồng.

+ TSCĐ hữu hình: Trong kỳ, PETROCONS cũng ghi giảm TSCĐ do trong kỳ có thanh lý nhượng bán phương máy móc thiết bị. Như vậy, tại 31/12/2024, nguyên giá TSCĐ Tổng công ty đang ghi nhận với giá trị là 50,296 tỷ đồng và GTCL là 10,15 tỷ đồng.

+ TSCĐ vô hình của PETROCONS giảm 99,9 triệu đồng trong kỳ. Nguyên nhân TSCĐ giảm do Tổng công ty ghi nhận thêm giá trị khấu hao trong kỳ; giá trị KH lũy kế đến 31/12/2024 là 5,16 tỷ đồng và GTCL của TS vô hình là 345 triệu đồng.

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Tại ngày 31/12/2024, dư vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của PETROCONS là 585,006 tỷ đồng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây: 9,336 tỷ đồng; Vay Oceanbank dài hạn đến hạn trả - vay ủy thác: 575,67 tỷ đồng). Tất cả các khoản vay và nợ thuê tài chính đều được đánh giá là có khả năng trả nợ.

+ Các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại 31/12/2024 là 2.584,56 tỷ đồng giảm 94,96 tỷ đồng so với cuối kỳ 2023 và PETROCONS đánh giá là có khả năng trả nợ.

+ Doanh thu tại thời điểm 31/12/2024:

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn giảm so với thời điểm 31/12/2023. Có giá trị là 1,447 tỷ đồng.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn giảm 1,448 tỷ đồng từ 52,08 tỷ đồng tại 31/12/2023 xuống 50.632 tỷ đồng tại 31/12/2024.

+ Doanh thu hoạt động SXKD năm 2024 tại Công ty mẹ đã thực hiện là là 609,04 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu hoạt động xây lắp là 530,359 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 37,971 tỷ đồng; thu nhập khác là 40,714 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động SXKD năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm trước 201,61 tỷ đồng. Doanh thu tài chính tăng 5,99 tỷ đồng; thu nhập khác tăng 38,92 tỷ đồng.

+ Giá vốn hàng bán tại 31/12/2024 là 541,859 tỷ đồng (trong đó chủ yếu từ hoạt động xây lắp), giảm 159,105 tỷ đồng so với giá vốn hàng bán cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí quản lý của Công ty mẹ năm 2024 là 5,153 tỷ đồng;

+ Kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty mẹ PETROCONS: Công ty mẹ lãi 4,120 tỷ đồng (Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lỗ lũy kế của Công ty mẹ Tổng Công ty là 3.765,932 tỷ đồng (lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.770,05 tỷ đồng). Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 235,41 tỷ đồng. PETROCONS đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 575,67 tỷ đồng tại Oceanbank (vay ủy thác).

b. Tình hình nợ phải trả:

+ Vay ngắn và nợ dài hạn đến hạn trả: Tại ngày 31/12/2024, dư vay ngắn và nợ dài hạn đến hạn trả của PETROCONS là 585 tỷ đồng. Trong đó vay ngắn hạn là 9,336 tỷ đồng (tại BIDV) và nợ dài hạn đến hạn trả là 575,67 tỷ đồng (Ngân hàng Oceanbank dài hạn đến hạn trả: 575,67 tỷ đồng), tăng trong kỳ là 56,67 tỷ đồng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây) và giảm trong kỳ là 114,6 tỷ đồng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây). Tất cả các khoản vay đều được đánh giá là có khả năng trả nợ.

+ Các khoản phải trả người bán tại 31/12/2024 là 2.584,5 tỷ đồng giảm 95 tỷ đồng so với cùng kỳ 2023 và được đánh giá là có khả năng trả nợ.

+ Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu tài chính	ĐVT	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2023	Tăng giảm so với cùng kỳ
Nợ phải trả trên VCSH	Lần	12,97	13,52	-0,55
Khả năng thanh nợ đến hạn	Lần	0,94	0,93	0,01
Hệ số th. toán nợ tổng quát	Lần	1,08	1,07	0,003

Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: Nợ phải trả đang chiếm tỷ lệ rất lớn so với Vốn CSH, PETROCONs gặp khó khăn lớn về khả năng thanh toán nợ phải trả.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Tài sản ngắn hạn đang nhỏ hơn Nợ ngắn hạn. Điều này dẫn đến, trong ngắn hạn, PETROCONs không có đủ tài sản, vốn để thanh toán cho các khoản nợ đến hạn, trong trường hợp các chủ nợ đồng loạt đòi nợ thì doanh nghiệp sẽ mất khả năng thanh toán và đối diện yêu cầu phá sản từ các chủ nợ.

Khả năng thanh toán nợ tổng quát (khả năng thanh toán hiện thời) = 1,08 lần phản ánh việc Tổng công ty gặp khó khăn thanh toán tại thời điểm báo cáo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2024, PETROCONs không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong ngắn hạn, Ban Lãnh đạo PETROCONs có kế hoạch tiếp tục triển khai các công tác sau:

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu; củng cố, phát triển nguồn nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... để hoàn thành hồ sơ năng lực; Tích cực, chủ động tham gia đấu thầu tìm kiếm nguồn việc đảm bảo nguồn công việc cho năm 2025 và các năm tiếp theo.
- Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, tổ chức triển khai thi công một cách khoa học, rút ngắn tối đa tiến độ thi công tại các dự án nhưng vẫn đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- Tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng các đơn vị thành viên của PETROCONs trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động SXKD, tài chính, cơ cấu tổ chức, con người, tài sản, máy móc thiết bị,... qua đó xác định vị thế và xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu đơn vị dựa trên năng lực thực tế. Trên cơ sở rà soát đánh giá từng đơn vị, PETROCONs sẽ thực hiện xem xét, định hướng sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế.
- Tập trung nguồn lực hoàn thành các công việc dở dang, tồn tại của các hạng mục/hệ thống tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2. Hoàn thiện hồ sơ chất lượng, các thủ tục cần thiết khác thuộc trách nhiệm của Tổng thầu và phối hợp chặt chẽ

với Ban QLDA trên tinh thần hợp tác để hoàn thành công tác quyết toán Dự án trong năm 2025.

- Hoàn thiện dứt điểm các thủ tục, hồ sơ còn thiếu và phối hợp với các bên để giải quyết các vướng mắc trong công tác quyết toán các Dự án tồn đọng (Dự án Liên hợp Lọc hóa Dầu Nghi Sơn, Dự án NMNĐ Thái Bình 2, Dự án TTĐL Quảng Trạch, Dự án Viện dầu khí phía Nam, Dự án NMĐ Sông Hậu 1).

- Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi vốn, thu hồi, xử lý/bù trừ các khoản công nợ nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Xúc tiến, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyền lợi của PETROCONs/PVN liên quan đến phương án thu hồi chi phí đã đầu tư tại dự án Khu công nghiệp Soài Rạp, Tiền Giang.

- Tiếp tục thu xếp nguồn vốn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các đơn vị làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONs cho các đơn vị.

- Rà soát, đánh giá sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu tinh gọn, chất lượng phù hợp với nguồn công việc và các nguồn lực của Tổng công ty. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung lực lượng cán bộ công nhân viên tại các lĩnh vực được xác định là trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo như Tiếp thị đầu thầu, Quản lý dự án... và các lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONs đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PETROCONs.

- Năm 2025 là một năm khó khăn đối với PETROCONs khi đã hoàn thành xong dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình nhưng chưa có các dự án khác gổ đầu, yêu cầu PETROCONs phải tăng cường, tích cực trong công tác tiếp thị đầu thầu tìm kiếm nguồn công việc. Đối mặt với việc khó khăn về nguồn việc, PETROCONs đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2025, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ KH 2025/ TH 2024
1	Giá trị SXKD				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	982,88	1.345,00	137%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	261,84	332,00	127%
2	Tổng doanh thu				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	1.317,87	1.707,00	130%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	609,04	796,00	131%
3	Lợi nhuận trước thuế				

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ KH 2025/ TH 2024
	Hợp nhất	Tỷ đồng	4,81	4,56	95%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	4,12	3,72	90%
4	Lợi nhuận sau thuế				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	2,61	4,56	175%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	4,12	3,72	90%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán – Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2024.

5.1 Đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ sau kiểm toán năm 2024:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, AASC đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2024 do AASC đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.765,93 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 3.770,05 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 235,42 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 nợ phải trả ngắn hạn là 4.032,66 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 299,09 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 575,67 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 575,67 tỷ VND). Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được đầy đủ thông tin do đó không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2: “Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024.

Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày lập báo cáo do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2024, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 14) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của số chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 4: “Tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2024 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,72 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là khoảng 5,72 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 5: “Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là 932,58 tỷ VND và 858,76 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 4). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến

sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán của PETROCONS, PETROCONS chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2024 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PETROCONS đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để thực hiện đánh giá các khoản đầu tư theo đúng quy định. PETROCONS tin tưởng rằng, việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.2 Đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất sau kiểm toán của PETROCONS năm 2024 sau kiểm toán:

Do AASC không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, AASC không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của PETROCONS.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.998,41 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.393,51 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 781,85 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 1.209,95 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2024 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ,

tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ thông tin do đó, không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2: “Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2024, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày lập báo cáo, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 4: “Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2024 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,72 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là khoảng 5,72 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến

khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 5: “Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 do Công ty này tự lập (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán của PETROCONS, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2023 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PETROCONS đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp nhất. PETROCONS tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 6: “Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 191,595 tỷ VND và 149,99 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 lần lượt là 191,595 tỷ VND và 160,08 tỷ VND), dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét của PETROCONS, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2023 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PETROCONS đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị

trên đề hợp nhất. PETROCONS tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 7: “Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2024 và tại ngày 31/12/2024 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.”

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của kiểm toán viên là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 8: Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 với tổng số tiền là 33,647 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 9: “Tại ngày 31/12/2024, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 55,36 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024: 57,97 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.”

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 10: Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (công ty con), số dư các khoản công nợ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 với giá trị lần lượt là 14,25 tỷ VND và 25,88 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 với giá trị lần lượt là: 15,51 tỷ VND và 15,83 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2024 là 20,52 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện

hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.”

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 11: Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I. Do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2024 lần lượt là 892,97 tỷ VND và 921,34 tỷ VND (trong đó doanh thu, giá vốn đã được ghi nhận trong năm 2024 lần lượt là 4,93 tỷ VND và 5,15 tỷ VND), chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến 02 dự án nêu trên tại ngày 31/12/2024 và 01/01/2024 với giá trị lần lượt là 146,25 tỷ VND và 149,76 tỷ VND cũng như ảnh hưởng của các số liệu đó tới Báo cáo tài chính đính kèm.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 12: “Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày việc Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với nguyên giá là 15,166 tỷ VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 6,488 tỷ VND. Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2014. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Tuy nhiên, Công ty chưa tính giá trị quyền sử dụng khu đất này vào giá thành của dự án.”

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 13: Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ- Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Hiện nay Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán vốn đầu tư của dự án, sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán vốn đầu tư thì Công ty sẽ hạch toán chi phí dở dang còn lại trên.

Ý kiến 14: Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Hiện nay dự án đang được hoàn thiện hồ sơ pháp lý và làm thủ tục để kiểm toán vốn đầu tư của dự án. Vì vậy Công ty chưa đánh giá hiệu quả của việc góp vốn vào dự án này.

Ý kiến 15: Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, cụ thể: nợ phải trả với giá trị lần lượt là 29,28 tỷ VND và 21,27 tỷ VND; nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,26 tỷ VND và 4,21 tỷ VND

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2024, Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

Ý kiến 16: Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 11,67 tỷ VND và 15,55 tỷ VND; các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 11,48 tỷ VND và 10,31 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024 lần lượt là 106,22 tỷ VND và 131,89 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2024, Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần

nhân mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.3 Để khắc phục khó khăn và giảm lỗ lũy kế trong thời gian tới, Ban lãnh đạo PETROCONS đã có định hướng và giải pháp khắc phục như sau:

Ban lãnh đạo PETROCONS nhận thức rõ PETROCONS đang gặp khó khăn và đã từng bước vượt qua. Do vậy, cùng với sự ủng hộ PETROCONS của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, PETROCONS đã rất tích cực trong việc rà soát, xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khôi phục và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Quyết liệt trong công tác điều hành thi công trên tất cả các công trình, dự án mà PETROCONS và các đơn vị thành viên thực hiện;
- Tích cực thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm và bổ sung nguồn việc;
- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể PETROCONS theo đúng định hướng được Tập đoàn phê duyệt, theo hướng công ty Mẹ trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp, thực hiện vai trò định hướng hoạt động cho các công ty trực thuộc, thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các đơn vị không thuộc chuỗi ngành nghề hoạt động chính của PETROCONS; nâng cao vai trò quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của PETROCONS;
- Quyết liệt trong công tác rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm dụng vốn;
- Tích cực làm việc với Tập đoàn/đơn vị thành viên Tập đoàn và các cơ quan quản lý nhà nước để đẩy nhanh việc phê duyệt các chi phí phát sinh tại các dự án mà PETROCONS đang tham gia;
- Chủ động và tích cực làm việc với các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, đàm phán giảm lãi suất vay vốn và thu xếp đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và giải tỏa các khoản bảo lãnh trong thời gian tới.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1 Về trách nhiệm xã hội đối với môi trường:

PETROCONS chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; tuân thủ các tiêu chí sau: Phòng ngừa ô nhiễm, sử dụng tài nguyên bền

vững, giảm nhẹ và thích nghi với biến đổi khí hậu, kiểm soát rác thải và hiệu quả năng lượng.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường:

Tiêu thụ nước: Bình thường;

Năng lượng: Bình thường.

Phát thải: Bình thường.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Tổng công ty đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống góp phần đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, tăng năng xuất lao động.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, về khai thác tài nguyên, triển khai các giải pháp về đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo luôn tận dụng và hiệu quả việc sử dụng nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PETROCONS

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Tổng Công ty

Năm 2024, tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; tỷ giá, lãi suất, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tiêu cực gây khó khăn cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành xây dựng nói chung và PETROCONS nói riêng. Ngoài ra, PETROCONS còn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn trong công tác thu xếp vốn đầu tư, thu xếp mặt bằng của các chủ đầu tư dẫn đến nguồn hợp đồng xây dựng mới trên thị trường bị hạn chế. Bên cạnh những khó khăn khách quan của nền kinh tế, PETROCONS còn tồn tại nhiều vướng mắc nội tại như: thiếu vốn, năng lực cạnh tranh thấp, hạn chế trong công tác quản trị,... dẫn đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 của PETROCONS chưa đạt được yêu cầu đề ra.

Trong năm 2024, thực hiện các chỉ đạo của Tập đoàn tại các Nghị quyết, Chỉ thị và tại Thông báo kết luận tại các cuộc họp giao ban CEO hàng tháng, PETROCONS đã xây dựng và triển khai nhiều giải pháp thực hiện các nhiệm vụ đề ra, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung vào các công việc cụ thể như:

- Tập trung triển khai các công tác thi công các hạng mục còn lại tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, đưa dự án hoàn thành đi vào hoạt động. Hiện PETROCONS đang tập trung triển khai các công tác chuẩn bị quyết toán dự án.

- Đối với công tác tái cơ cấu, PETROCONS đã thực hiện rà soát lại toàn bộ thực trạng, tình hình thực công tác tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành

viên. Qua đó đưa ra các giải pháp nhằm tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh để đến hết năm 2025 giải quyết tối đa các vướng mắc, tồn tại của Công ty mẹ và tại các đơn vị thành viên, từng bước khôi phục lại hoạt động SXKD.

- Tích cực tìm kiếm phát triển nguồn việc mới thông qua làm việc chặt chẽ với các đối tác, chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng nhân lực, vật lực để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực của PETROCONS. Tích cực bám sát quá trình thực hiện mời thầu của các Chủ đầu tư để tham gia dự thầu các gói thầu như: một số gói thầu cải tạo, sửa chữa của NMNĐ Sông Hậu 1; một số gói thầu tại dự án NMNĐ Quảng Trạch 1; khu nhà ở CBCNV NMNĐ Sông Hậu 1, nhà ở cho CBCNV Nhà máy đạm Cà Mau; NMNĐ Duyên Hải, NMNĐ Na Dương; Nhà máy xử lý rác Yên bình, Nhà máy SX hạt nhựa Polypropylene Phú Mỹ; dự án NMNĐ Ô Môn 4;.... Tuy nhiên do năng lực đấu thầu của PETROCONS còn hạn chế, một số dự án Chủ đầu tư dừng/giãn tiến độ nên kết quả trúng thầu của PETROCONS không đạt được kỳ vọng đề ra.

- Đối với các khoản công nợ đến hạn và quá hạn, số dư tạm ứng với các đơn vị tại các dự án/công trình PETROCONS thực hiện với vai trò là Tổng thầu/Nhà thầu chính: thực hiện rà soát, đôn đốc thu hồi, tập hợp các hồ sơ chứng từ để cung cấp/hoàn thiện các thủ tục nội bộ nhằm giải quyết dứt điểm các khoản nợ tồn đọng giữa các bên.

- Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ khó đòi, thực hiện tham gia các thủ tục tố tụng, tranh chấp, hòa giải nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp, tối đa cho PETROCONS.

1.1 Tình hình thực hiện một số nhiệm vụ năm 2024 như sau:

- Tình hình thực hiện SXKD năm 2024: số liệu đã được phản ánh tại Mục II.1 của báo cáo này.

- Công tác thi công tại các công trình:

- + Đối với công trình trọng điểm Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:

PETROCONS tiếp tục thực hiện các hạng mục phụ còn lại, xử lý các tồn đọng phát sinh. Trong năm 2024, Hội đồng kiểm tra Nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Hội đồng KTNN) đã chấp thuận nghiệm thu có điều kiện các Tổ máy tại thông báo số 3895/TB-HĐKTNN ngày 08/7/2024. Ngày 10/7/2024, Chủ đầu tư đã cấp Chứng chỉ bàn giao Tổ máy số 1, Tổ máy số 2 và các hạng mục dùng chung (ngoại trừ Máy bốc than số 5, Kho than số 3 và các công việc còn lại đang hoàn thiện). Ngày 19/7/2024, Công ty mua bán điện (EPTC) đã công nhận ngày vận hành thương mại Nhà máy bắt đầu từ 8h00p ngày 19/7/2024. Đến đầu tháng 8/2024, dự án đã chính thức tham gia vào thị trường điện Quốc gia. Hiện nay, PETROCONS đang phối hợp với Ban QLDA dự án ĐLDK Thái Bình 2 thực hiện công tác quyết toán Hợp đồng EPC.

- + Dự án NMNĐ Sông Hậu 1:

PETROCONS đang thực hiện công tác quyết toán 02 Hợp đồng số C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN về việc Thi công xử lý nền và số C15/SH1-LLM-PVC về việc Thi công các hạng mục xây dựng với Tổng thầu Lilama.

Các công trình thi công sửa chữa trong Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Trong năm 2024, PETROCONS trúng thầu và ký kết 2 hợp đồng cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tại NMNĐ Sông Hậu 1. Hiện nay đang thực hiện công tác thi công theo tiến độ đề ra.

+ Dự án Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam:

Giai đoạn 1: PETROCONS đã hoàn thiện hồ sơ quyết toán giai đoạn 1, hiện đang chờ Cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Giai đoạn 2: PETROCONS đã hoàn thành ký Phụ lục bổ sung số 19 với Viện Dầu khí ngày 24/10/2024 và trình Hồ sơ quyết toán đến Tư vấn quản lý dự án để xem xét xác nhận trình Chủ đầu tư phê duyệt.

+ Công trình nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí: Đến ngày 09/12/2024, trên công trường PETROCONS đã hoàn thành 100% khối lượng thi công theo hợp đồng đã ký. Đang phối hợp cùng tổng thầu hoàn thiện các bước thi công để xác định khối lượng thanh toán.

+ Dự án cung cấp, lắp đặt biến tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2: Các công việc trong phạm vi của PETROCONS đã cơ bản hoàn thành. Đang chờ các Thành viên trong Liên danh hoàn tất các công việc còn lại của Hợp đồng.

+ Công trình thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1: hiện đang triển khai thi công theo kế hoạch.

- Công tác tiếp thị đấu thầu ký kết các hợp đồng kinh tế

+ Tại Công ty mẹ: Trong năm 2024, Công ty mẹ Tổng công ty đã tham gia dự thầu và trúng thầu các gói: Mua sắm thiết bị và lắp đặt biến tần điều khiển các quạt khói tổ máy S2- NMNĐ Vĩnh Tân; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi – Dự án NMNĐ Quảng Trạch 1; Cải tạo khu nhà vận hành của Dự án NMNĐ Sông Hậu 1; Cải tạo sửa chữa khu rửa thiết bị, thải xỉ NMNĐ Sông Hậu 1 và Cung cấp Bơm cấp 1A cho NMNĐ Cao Ngạn.

+ Tại các đơn vị thành viên trong năm 2024 đã ký được 43 hợp đồng/phụ lục hợp đồng bổ sung nguồn việc bao gồm: PVC-MS ký mới 18 hợp đồng với tổng giá trị 861,4 tỷ đồng (trong đó có 3 dự án lớn là Topside Phú Quốc giá trị 485 tỷ đồng, chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng giá trị 143,5 tỷ đồng, dự án P15 giá trị 138 tỷ); DOBC ký mới 15 hợp đồng/ phụ lục hợp đồng với tổng giá trị 80,7 tỷ đồng; PVC-Bình Sơn ký mới 6 hợp đồng với tổng giá trị 27,30 tỷ đồng; PVC-TB ký mới 01 hợp đồng với giá trị 121,73 tỷ đồng; PETROCONS- Đông Đô ký mới 03 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 87,3 tỷ đồng

- Công tác xử lý, thu hồi công nợ: Đến thời điểm 30/11/2024, Công ty mẹ đã xử lý thu hồi 3,835 tỷ đồng, cụ thể: TID (0,288 tỷ đồng); PVNC (2,716 tỷ đồng) và PVC-ME (0,1 tỷ đồng) và PVC-Đông Đô (0,731 tỷ đồng tiền cổ tức năm

2011). Hiện PETROCONs vẫn đang tiếp tục rà soát các khoản nợ chéo, giải quyết các vướng mắc tại các dự án tồn đọng để xây dựng các giải pháp nhằm xử lý/ thu hồi các khoản công nợ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT theo sát và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của PETROCONs, quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao Ban thường xuyên với các đơn vị thành viên trực thuộc để chấn chỉnh các hoạt động SXKD theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.

- Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các biện pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PETROCONs.

- Việc trả lương cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty và Ban ĐH dự án thuộc Tổng công ty được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ Tổng công ty, thu nhập ổn định.

- Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện lại quy chế/quy định nội bộ của PETROCONs và thực hiện điều chỉnh nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của PETROCONs và trình Hội đồng quản trị PETROCONs xem xét, phê duyệt.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2025

3.1. Các chỉ tiêu kinh tế đã thực hiện năm 2024 và các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2025:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Giá trị SXKD	982,88	1.345
	Công ty mẹ	261,84	332

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
2	Tổng doanh thu	1.302,50	1.707
	Công ty mẹ	609,74	796
3	Lợi nhuận trước thuế	2,83	4,56
	Công ty mẹ	3,59	3,72
4	Lợi nhuận sau thuế	1,04	4,56
	Công ty mẹ	3,59	3,72
5	Nộp NSNN	82,79	58,00
	Công ty mẹ	3,91	9,00
6	Thu nhập bình quân NLD (trđ/ người/ tháng)	11,42	11,90
	Công ty mẹ	13,25	14,10

3.2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

3.2.1. Nhiệm vụ trọng tâm:

3.2.1.1. Đối với nhiệm vụ SXKD

- Phân đầu hoàn thành/hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 đã đề ra.

- Xây dựng mô hình và triển khai áp dụng các phương thức quản trị phù hợp như: quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái, quản trị dựa trên nền tảng số,...; Quán triệt phương châm “làm mới động lực cũ, bổ sung động lực mới” sẵn sàng chuyển dịch mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi, phát triển hiện đại.

- Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch quản trị hàng năm của Tập đoàn và đơn vị. Tập trung kiểm soát chi phí một cách có hiệu quả, đặc biệt các trung tâm chi phí lớn; giảm thiểu những thiệt hại do tác động của thị trường...

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các Hợp đồng công trình, dự án chuyển tiếp đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Bên giao thầu đồng thời vượt/đạt hiệu quả theo phương án triển khai đã được HĐQT TCT phê duyệt.

- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, đẩy mạnh tìm kiếm thông tin tiếp thị, đấu thầu cung cấp dịch vụ xây lắp công nghiệp, điện, hạ tầng tại các dự án trong và ngoài ngành. Đồng thời tổ chức chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng về nhân lực, vật lực và các phương án triển khai để nâng cao tỷ lệ thành công trúng thầu và hiệu quả triển khai các gói thầu.

- Hoàn thành công tác quyết toán các hợp đồng/dự án đã thi công như: EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2, dự án NMNĐ Sông Hậu 1, NMNĐ Vũng Áng 1, LHD Nghi Sơn Trung tâm điện lực Quảng Trạch. Đồng thời thực hiện quyết toán với các nhà thầu phụ tại các dự án theo hướng đàm phán về chi phí nhằm giảm công nợ phải trả, giảm chi phí vốn tại các công trình/dự án.

- Kiểm soát và sử dụng chi phí đảm bảo tiết kiệm, gắn với kết quả SXKD và đạt hiệu quả cao nhất cho Tổng công ty.

- Tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm soát, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thành viên, phần đầu năm 2025 Tổng công ty không phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho phần vốn góp tại các đơn vị hợp nhất báo cáo tài chính.

3.2.1.2. Đối với nhiệm vụ tái cơ cấu:

- Tiếp tục triển khai phương án tái cơ cấu PETROCONS theo Nghị quyết số 3143/NQ-DKVN ngày 10/6/2022 của Tập đoàn về việc Phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tổng công ty tại văn bản số 109/HĐQT-VBNB ngày 08/10/2024.

- Nghiên cứu, đánh giá và có phương án cơ cấu lại về mô hình, cách thức tổ chức hoạt động đối với các đơn vị/bộ phận hiện đang hoạt động không có hiệu quả.

- Rà soát, đánh giá sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu tinh gọn, chất lượng phù hợp với nguồn công việc và các nguồn lực của Tổng công ty. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung lực lượng cán bộ công nhân viên tại các lĩnh vực được xác định là trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo như Tiếp thị đầu thầu, Quản lý dự án... và các lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONS nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PETROCONS.

3.2.1.3. Đối với nhiệm vụ về công tác tài chính, sử dụng nguồn lực:

- Trên cơ sở đánh giá phân nhóm các khoản công nợ đối với Tập đoàn và các đơn vị của Tập đoàn tại các dự án PETROCONS đã và đang thực hiện, khẩn trương lập kế hoạch cụ thể, chi tiết để tiến hành hiệu quả công tác thu hồi công nợ, bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

- Đối với công nợ tại các đơn vị thành viên và các đối tác khác, thực hiện rà soát các khoản công nợ phải thu-phải trả, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2025 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/ bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Xây dựng phương án và hoàn thành xử lý các khoản nợ vay liên quan đến đầu tư khách sạn Lam Kinh và khách sạn Thái Bình trong năm 2025.

- Tiếp tục thu xếp nguồn và đôn đốc các đơn vị thu xếp nguồn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị vay vốn ngân hàng được PETROCONS bảo lãnh làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết đối với các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONS cho các đơn vị.

- Tập trung củng cố, hoàn thiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Tổng công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Tập đoàn và Tổng công ty. Tăng cường giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hợp đồng, quản lý chi phí đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2.1.4. Đối với nhiệm vụ về công tác đầu tư:

- Chủ động làm việc và thực hiện các yêu cầu của các cấp có thẩm quyền nhằm thu hồi giá trị đầu tư tại Soài Rạp, thực hiện thu hồi/xử lý khu đất Tam Đảo.

- Tổ chức thực hiện quản lý đồng thời nghiên cứu các phương án đầu tư nhằm khai thác tối đa hiệu quả các tài sản hiện có như khu đất Chùa Hà, Xưởng cơ khí miền Trung. Khu đất Tam Đảo (trong trường hợp chưa thực hiện xử lý) đảm bảo tạo dòng tiền phục vụ cho hoạt động SXKD, tăng hiệu quả sử dụng tài sản của Tổng công ty.

- Thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá mức độ cần thiết, nhu cầu, đảm bảo hiệu quả trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị/tài sản năm 2025 của Công ty mẹ/các đơn vị thành viên, trình Hội đồng quản trị Tổng công ty, báo cáo Tập đoàn chấp thuận trước khi triển khai thực hiện.

3.2.1.5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do PVN giao.

3.2.2 Giải pháp thực hiện:

3.2.2.1. Công tác tái cấu trúc

- Triển khai thực hiện phương án tái cấu trúc của PETROCONS đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Tập đoàn đã phê duyệt số 3143/NQ-DKVN ngày 10/6/2022.

- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác chuyển nhượng/thoái vốn tại các dự án bất động sản, cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động SXKD của đơn vị, trung nguồn lực cho lĩnh vực hoạt động chính là thi công xây lắp các công trình/ dự án.

- Chỉ đạo, hỗ trợ PVC-TB hoàn thành công tác xử lý nợ với PVCombank đảm bảo tối thiểu các thiệt hại nếu có, sau đó tái cơ cấu lĩnh vực hoạt động của PVC-TB nhằm đem lại hiệu quả trong hoạt động SXKD.

- Nghiên cứu, tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ mới: Dịch vụ vận hành và sửa chữa, bảo hành các NMNĐ, Dịch vụ kinh doanh và thương mại các

sản phẩm phục vụ công tác thi công xây lắp như xi măng, clinker, tro xỉ, bê tông....

- Thúc đẩy tiến độ thoái vốn góp tại các đơn vị thông qua việc đăng thông tin kế hoạch thoái vốn trên phương tiện truyền thông (báo điện tử/báo giấy,...) để quảng bá và thu hút Nhà đầu tư quan tâm

3.2.2.2. Công tác triển khai tại các công trình/ dự án

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án. Đảm bảo tiến độ và các tiêu chuẩn về chất lượng trong quá trình thi công. Tối ưu hóa chi phí và quy trình thông qua việc áp dụng công nghệ quản lý dự án hiệu quả để giảm thời gian và chi phí thi công; Tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu với giá cả cạnh tranh mà vẫn đảm bảo chất lượng. Sử dụng các vật liệu và công nghệ tiên tiến để gia tăng độ bền, tính thẩm mỹ và thân thiện với môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PETROCONS. Đổi mới và áp dụng công nghệ thông qua sử dụng các phần mềm quản lý dự án, thiết kế...để cải thiện hiệu quả và tính chính xác.

- Quyết liệt thực hiện công tác quyết toán tại các công trình/ dự án đã hoàn thành công tác thi công như: dự án NMNĐ Thái Bình 2, dự án NMNĐ Vũng Áng 1,...

- Xây dựng mối quan hệ với khách hàng thông qua việc cung cấp dịch vụ hậu mãi tốt, giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh sau khi bàn giao công trình; Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc thanh toán/quyết toán

3.2.2.3. Công tác tiếp thị đầu thầu

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác quản lý kỹ thuật và tiếp thị đầu thầu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dữ liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty...

- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, đẩy mạnh thực hiện công tác tìm kiếm thông tin, tiếp cận thông tin các gói thầu trong và ngoài ngành Dầu khí.

- Hợp tác với các Tổng công ty xây dựng có thế mạnh trong nước, đồng thời hợp tác với các đối tác nước ngoài tạo sự cộng hưởng và tăng năng lực thực hiện dự án của PETROCONS.

- Mở rộng thị trường, tăng cường hợp tác và liên kết thông qua việc khai thác các thị trường tiềm năng, đặc biệt ở các khu vực mới và chưa phát triển, liên kết với các đối tác tại các địa phương để tăng khả năng tiếp cận khách hàng; Hợp tác

với các công ty lớn, có uy tín trong nước và quốc tế để tiếp cận, tham gia được các dự án lớn.

3.2.2.4. Công tác tài chính kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của PETROCONS trong năm 2025. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Đàm phán với các nhà thầu phụ tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 nhằm giảm công nợ phải trả, giảm chi phí vốn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.

- Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, các đơn vị. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2025 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

3.2.2.5. Công tác tổ chức quản lý, nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty trong công tác tổ chức, cán bộ, quy hoạch luân chuyển, điều động và bổ nhiệm cán bộ.

- Tiến hành rà soát, đánh giá phân loại cán bộ để thực hiện kiện toàn công tác tổ chức, điều động, luân chuyển cán bộ tại Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác tái cơ cấu Tổng công ty/ các đơn vị thành viên.

- Tiếp tục xây dựng phương án đề xuất kiện toàn Người đại diện phần vốn và tiến hành kiện toàn Người đại diện tại các Đơn vị; Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát quá trình điều hành và thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các Đơn vị.

- Thực hiện công tác quản lý, giám sát tình hình thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Tăng cường thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao; Đào tạo chuyên sâu định hướng chuyên gia cho đội ngũ cán bộ làm công tác thiết kế, thi

công trình trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến vào việc thực hiện các dự án; Duy trì và tăng cường đào tạo nội bộ tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu HĐQT

- Đến thời điểm hiện tại HĐQT PETROCONS bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONS. Cụ thể như sau:

- Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL của cổ đông lớn PETROVIETNAM, tương đương 100.000.000 cổ phần.

- Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL của cổ đông lớn PETROVIETNAM, tương đương 60.000.000 cổ phần.

- Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị, quản lý 14,47% VDL của cổ đông lớn PETROVIETNAM, tương đương 57.873.333 cổ phần.

- 01 Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện của PETROVIETNAM (không đại diện phần vốn): Ông Nguyễn Hoài Nam.

- 01 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Ông Phạm Văn Khánh.

b. Các tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị: PETROCONS không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, HĐQT họp 07 phiên họp thường kỳ và 107 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 32 Nghị quyết, 26 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONS. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2024 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 03/BC-XLDK ngày 16/01/2025 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Quang Huy	07/07	100%	
2	Ông Chu Thanh Hải	07/07	100%	
3	Ông Phạm Văn Khánh	07/07	100%	
4	Ông Nguyễn Hoài Nam	07/07	100%	
5	Ông Trần Hải Bằng	05/07	71%	Vắng mặt có lý do

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, trong năm 2024, HĐQT đã cử các Thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

d. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

- Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong năm 2024:
- + Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;
- + Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, trả đầy đủ các phiếu xin ý kiến của HĐQT;
- + Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

e. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

- Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
1	Ông Nghiêm Quang Huy	<ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên - Đào tạo tiền công vụ - Bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu - Bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA và định giá xây dựng trong lĩnh vực cầu đường - Tập huấn nghiệp vụ cho kỹ sư giao thông - Trung cấp lý luận chính trị - HCK112 - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP 	<ul style="list-style-type: none"> -Trường ĐTCB Lê Hồng Phong - Học viện hành chính Quốc gia - Trung tâm đào tạo về quản lý - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải -Tổ chức JICA (Nhật Bản) - Trường CBQL Giao thông vận tải - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) -Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU) - PETROVIETNAM - PETROVIETNAM 	<ul style="list-style-type: none"> Từ 24/6/2004 – 10/01/2005 -Từ 9/2005 – 12/2005 5/2006 11/2009 9/2008 - Từ tháng 6/2020 đến tháng 3/2021 9/2022 - 10-11/2023

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
		<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình chuyển đổi số dành cho lãnh đạo QL nâng cao - Hội nghị Đầu tư – Tài chính năm 2024 -Tọa đàm kinh tế vĩ mô và Tài chính tiền tệ 		<ul style="list-style-type: none"> - T6/2024 - T6/2024
2	Ông Chu Thanh Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận bồi dưỡng Kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước năm 2004 - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị-DCP - Quốc phòng an ninh đối tượng 2 - Tọa đàm dự thảo Luật quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại DN 	<ul style="list-style-type: none"> -Học viện tài chính - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) - Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng - PETROVIETNAM 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/5/2004 đến 26/6/2004 - 11/2022 -Tháng 10/2023 - T8/2024
3	Ông Nguyễn Hoài Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ Đàm phán HĐ xây dựng, giải quyết xung đột và tranh chấp trong dự án xây dựng, xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả tại. - Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu nâng cao - Trung cấp lý luận chính trị - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị 	<ul style="list-style-type: none"> -Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. - Công ty CP CFTD sáng tạo -Đảng ủy khối doanh nghiệp TW - Trường cán bộ quản lý Giao thông vận tải - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) 	<ul style="list-style-type: none"> 11/2006 5/2013 -Tháng 06/2020 đến tháng 02/2021 9/2022

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
		- DCP		
4	Ông Trần Hải Bằng	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ đào tạo khóa học “Quản trị doanh nghiệp” - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP - Lãnh đạo tầm vóc -Nhà lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động - Tổng quan về ESG - Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp Quản trị môi trường và xã hội (DCP-IESG) 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty cổ phần đào tạo và công nghệ STEC - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) -Brainword Việt Nam -Đại học Fulbright Việt Nam -PVN và Trường Cao đẳng Dầu khí -Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) 	<ul style="list-style-type: none"> 8/2022 11/2022 -Tháng 4,5,6/2023 -Tháng 2/2023 -Tháng 10/2023 - Tháng 10/2023

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

- + Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát
- + Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 30/6/2021).
- + Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 30/6/2021).

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2024, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua, Ban Kiểm soát đã tập trung triển khai công tác giám sát thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hoạt động SXKD) của Tổng công ty, nội dung thực hiện các công việc

như sau:

- + Giám sát các hoạt động SXKD của Tổng công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

- + Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của cổ đông lớn là PETROVIETNAM, HDQT và Ban Tổng giám đốc PETROCONS thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HDQT và các quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng giám đốc.

- + Tham gia các cuộc họp rà soát kết quả hoạt động SXKD quý/năm của PETROCONS.

- + Thực hiện thẩm tra nội dung đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của các đơn vị thành viên và các công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính. Trưởng Ban Kiểm soát trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại các đơn vị thành viên.

- + Hàng quý, Ban Kiểm soát ban hành các công văn gửi HDQT, Tổng giám đốc PETROCONS đề nghị cung cấp kết quả hoạt động SXKD tại Công ty mẹ và toàn Tổng công ty để kiểm tra, giám sát đồng thời làm cơ sở lập báo cáo hàng quý/năm gửi PETROVIETNAM.

- Thực hiện chức năng và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát theo các qui định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động PETROCONS, qui chế làm việc của Ban Kiểm soát là kiểm tra giám sát thường xuyên tại công ty mẹ, Ban Kiểm soát còn xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm để trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên thông qua và Ban Kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch của năm 2024 là thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại 03 đơn vị: Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy (PVC-MS), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình).

- Đối với các đơn vị thành viên khác, Ban Kiểm soát xem xét các báo cáo của hoạt động SXKD và các báo cáo có liên quan của Người đại diện/Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị để kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất đối với HDQT, Tổng giám đốc PETROCONS.

- Ban Kiểm soát đã xem xét, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Tổng công ty hàng quý/năm 2024 và các Nghị định/thông tư hướng dẫn của Nhà nước về việc thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Thực hiện theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, trong năm 2024, Ban Kiểm soát Tổng công ty đã tổ chức 02 cuộc họp diễn ra vào ngày 19/3/2024 và ngày 16/09/2024 với nội dung báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong Quý và triển khai kế hoạch hoạt động Quý tiếp theo. Bên cạnh các cuộc họp, Ban Kiểm

soát có trao đổi công việc thông qua hình thức email, điện thoại.

STT	Ngày tháng năm	Số thành viên tham gia	Nội dung	Kết quả
1	19/3/2024	3/3	Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2024.	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp
2	16/09/2024	3/3	- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của Ban Kiểm soát. - Triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025.,	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT TCT

- Tiền lương/thù lao của các thành viên HĐQT thực lĩnh trong năm 2024 là 2.207.775.913 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thực lĩnh năm 2024	Thực lĩnh năm 2023	Ghi chú
1	Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	545.647.303	543.276.735	
2	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	244.285.000	249.555.000	
3	Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	479.906.106	504.420.370	
4	Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	471.929.434	465.736.130	
5	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	466.008.070	495.761.660	

Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2024 là: 409.744.698, đồng.

b. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương/thù lao của Ban Tổng giám đốc thực lĩnh trong năm 2024 là 2.014.722.793, đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm 2024	Ghi chú
-----	-----------	-----------	---------------------	---------

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm 2024	Ghi chú
1	Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc, bổ nhiệm ngày 01/01/2024	449.814.793	
2	Phan Tử Giang	Tổng giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/01/2024	109.537.217	
3	Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	507.748.575	
4	Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	482.731.554	
5	Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	464.890.490	

c. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Kiểm soát

- Tiền lương/thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát thực lĩnh trong năm 2024 là 506.218.999 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực lĩnh năm 2023	Thực lĩnh năm 2022	Ghi chú
1	Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	441.418.999	432.185.625	
2	Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	32.400.000	35.100.000	
3	Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	32.400.000	35.100.000	

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024 là: 80.523.000, đồng.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:

Năm 2024, PETROCONS không có giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2024, Tổng công ty có 05 giao dịch với Người nội bộ, cụ thể:

STT	Nội dung hợp đồng/giao dịch	Đơn vị thực hiện	Giá trị hợp đồng đã bao gồm VAT (Tỷ đồng)
1	Mua sắm vật tư, gia công chế tạo, lắp đặt hoàn thiện kho than 3 (Không bao gồm cung cấp, lắp đặt Bu lông , móng, cửa thép và vữa chèn chân cột) - HĐ số	Công ty Cổ phần Dầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	121

	02/2024/HĐKT/PETROCONs – PVC.TB/KCTKT3 ngày 5/3/2024		
2	Mua sắm vật tư, thiết bị cho hệ thống ASH – Dự án NMNĐ Thái Bình 2 – Hợp đồng số 22/2024/HĐKT/PETROCONs-DOBC/ASH	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	0,150
3	Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi – Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 – Hợp đồng số 58/2024/PETROCONs-ĐĐ ngày 8/10/2024	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	22,017
4	Khảo sát đánh giá hiện trạng các hạng mục công trình Xưởng cơ khí và vật liệu xây dựng tại xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi – Hợp đồng số 55/2024/HĐKT/PETROCONs-PVC.BS ký ngày 27/8/2024	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	0,094
5	Cung cấp vật tư phụ, nhân công thực hiện tháo dỡ, lắp đặt thiết bị, đấu nối và kiểm tra hiệu chỉnh thiết bị và bảo hành hệ thống điều khiển nhà máy DCS thuộc gói thầu số 05 – Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí – Tổ máy 300 MW (Tổ máy S7 – Hợp đồng số 39/2024/HĐKT/PETROCONs-DOBC ngày 18/7/2024	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	4,258
	Tổng cộng		147,534

3.4 Về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Xem tại mục 5, chương III – Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2024 của PETROCONS: đính kèm.
- Báo cáo tài chính riêng của PETROCONS năm 2024 sau kiểm toán xem tại website: <https://petrocons.vn/pvx--cbtt-bctc-van-ban-giai-trinh-bctc-cong-ty-me-nam-2024-sau-kiem-toan>

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban KS (b/c);
- Người phụ trách quản trị kiêm thư ký TCT;
- Lưu VT, TCKT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Hoàn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(đã được kiểm toán)



Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 61
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 61

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 08 đến trang 61, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.998,41 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.393,51 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 781,85 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 1.209,95 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2024 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 31/12/2024, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2024 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,72 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là khoảng 5,72 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 do Công ty này tự lập (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.
6. Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 191,595 tỷ VND và 149,99 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 lần lượt là 191,595 tỷ VND và 160,08 tỷ VND), dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.
7. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2024 và tại ngày 31/12/2024 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.
8. Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 với tổng số tiền là 33,647 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
9. Tại ngày 31/12/2024, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 55,36 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024: 57,97 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.

10. Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (công ty con), số dư các khoản công nợ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 với giá trị lần lượt là 14,25 tỷ VND và 25,88 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 với giá trị lần lượt là: 15,51 tỷ VND và 15,83 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2024 là 20,52 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.
11. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I. Do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2024 lần lượt là 892,97 tỷ VND và 921,34 tỷ VND (trong đó doanh thu, giá vốn đã được ghi nhận trong năm 2024 lần lượt là 4,93 tỷ VND và 5,15 tỷ VND), chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến 02 dự án nêu trên tại ngày 31/12/2024 và 01/01/2024 với giá trị lần lượt là 146,25 tỷ VND và 149,76 tỷ VND cũng như ảnh hưởng của các số liệu đó tới Báo cáo tài chính đính kèm.
12. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày việc Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với nguyên giá là 15,166 tỷ VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 6,488 tỷ VND. Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2014. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Tuy nhiên, Công ty chưa tính giá trị quyền sử dụng khu đất này vào giá thành của dự án.
13. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án.
14. Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019.
15. Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, cụ thể: nợ phải trả với giá trị lần lượt là 29,28 tỷ VND và 21,27 tỷ VND; nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,26 tỷ VND và 4,21 tỷ VND.
16. Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 11,67 tỷ VND và 15,55 tỷ VND; các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 11,48 tỷ VND và 10,31 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024 lần lượt là 106,22 tỷ VND và 131,89 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nào về các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.



Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.611.664.998.814	4.715.401.378.806
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	433.474.223.994	315.530.103.712
111	1. Tiền		255.791.531.076	249.067.219.323
112	2. Các khoản tương đương tiền		177.682.692.918	66.462.884.389
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	254.505.326.478	311.127.549.041
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.900.000.000	14.900.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		253.490.326.478	310.112.549.041
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.957.524.578.173	2.010.762.321.383
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.663.260.397.192	1.778.603.348.159
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	570.160.345.945	580.598.469.744
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	419.600.886.765	399.325.071.226
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.052.014.338.142)	(1.104.319.216.689)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		840.332.920	877.695.450
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.817.989.197.656	1.928.609.601.351
141	1. Hàng tồn kho		1.937.818.905.304	2.073.825.706.264
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(119.829.707.648)	(145.216.104.913)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		148.171.672.513	149.371.803.319
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.443.165.122	2.138.799.066
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		110.091.427.591	111.859.213.274
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	34.637.079.800	35.373.790.979

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.514.887.611.157	1.498.227.890.963
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		28.744.401.590	31.713.977.662
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	9.262.236.011	12.485.376.511
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	28.567.933.637	31.414.369.209
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(9.085.768.058)	(12.185.768.058)
220	II. Tài sản cố định		1.025.002.575.740	1.011.122.079.780
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	767.327.869.072	752.911.097.840
222	- Nguyên giá		1.626.973.749.975	1.648.521.708.443
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(859.645.880.903)	(895.610.610.603)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	257.674.706.668	258.210.981.940
228	- Nguyên giá		284.392.878.902	284.392.878.902
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.718.172.234)	(26.181.896.962)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	85.507.988.185	77.965.780.369
231	- Nguyên giá		111.067.844.188	101.148.289.217
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.559.856.003)	(23.182.508.848)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	138.515.570.946	136.725.481.822
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		25.064.213.539	25.064.213.539
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		113.451.357.407	111.661.268.283
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	78.900.512.009	69.717.480.211
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		32.208.529.511	33.113.367.012
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		206.313.000.000	206.313.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(159.621.017.502)	(169.708.886.801)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		158.216.562.687	170.983.091.119
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	100.284.708.167	111.621.834.406
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	35	18.801.350.080	19.230.752.273
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	39.130.504.440	40.130.504.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.126.552.609.971	6.213.629.269.769

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.597.542.732.987	5.686.992.765.922
310	I. Nợ ngắn hạn		5.393.511.932.470	5.503.169.045.805
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.254.938.639.111	3.340.526.731.717
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	232.242.459.037	213.715.212.808
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	125.235.476.617	122.243.739.620
314	4. Phải trả người lao động		48.701.521.223	58.835.792.162
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	453.154.875.592	451.822.676.931
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	6.249.109.721	3.181.130.462
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	582.456.022.299	587.654.331.570
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	694.791.647.252	729.443.048.917
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.257.818.382)	(4.253.618.382)
330	II. Nợ dài hạn		204.030.800.517	183.823.720.117
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	115.497.608.588	71.310.452.285
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	50.831.503.317	52.375.689.485
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	2.923.199.868	1.649.775.187
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	24.000.000.000	38.000.000.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	10.778.488.744	20.487.803.160
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		529.009.876.984	526.636.503.847
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	529.009.876.984	526.636.503.847
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.831.719.482	6.831.719.482
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.681.220.411	22.681.220.411
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.720.195)	(29.720.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		150.859.427.814	150.859.427.814
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		233.648.426	233.648.426
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.998.411.998.973)	(4.005.332.783.992)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(4.005.781.884.168)	(3.845.710.214.787)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		7.369.885.195	(159.622.569.205)
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		346.845.580.019	351.392.991.901
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.126.552.609.971	6.213.629.269.769



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.213.006.106.954	1.189.720.911.616
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.213.006.106.954	1.189.720.911.616
11	4. Giá vốn hàng bán	28	1.161.337.416.194	1.284.156.315.702
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.668.690.760	(94.435.404.086)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	42.871.334.402	41.635.334.682
22	7. Chi phí tài chính	30	63.779.127.190	71.090.156.881
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		36.198.593.108	41.107.144.907
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(904.837.501)	(755.995.765)
25	9. Chi phí bán hàng		2.074.093.980	427.626.451
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	74.129.955.136	126.121.618.228
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(46.347.988.645)	(251.195.466.729)
31	12. Thu nhập khác	32	62.899.113.840	7.357.209.444
32	13. Chi phí khác	33	11.743.521.972	23.277.496.839
40	14. Lợi nhuận khác		51.155.591.868	(15.920.287.395)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.807.603.223	(267.115.754.124)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	2.077.618.123	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	116.962.081	(1.895.066.065)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>2.613.023.019</u>	<u>(265.220.688.059)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		7.369.885.195	(159.622.569.205)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(4.756.862.176)	(105.598.118.854)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	18	(399)



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.807.603.223	(267.115.754.124)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		39.785.216.032	43.987.463.802
03	- Các khoản dự phòng		(100.588.459.527)	(17.779.133.085)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.169.787.846)	254.169.100
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.713.639.682)	(24.241.047.444)
06	- Chi phí lãi vay		36.198.593.108	41.107.144.907
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(39.680.474.692)	(223.787.156.844)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		126.676.626.746	223.360.408.047
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		125.374.406.428	24.137.884.628
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(69.001.830.745)	(160.202.718.176)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.032.760.183	(5.346.731.632)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.064.453.316)	(4.019.012.743)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(497.536.232)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.215.000.000	4.270.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.244.200.000)	(3.931.160.581)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		151.810.298.372	(145.518.487.301)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(74.871.289.249)	(860.405.861)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.703.561.704	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(248.251.366.478)	(69.298.960.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		304.873.589.041	30.116.349.203
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.160.940.711	23.680.592.035
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10.615.435.729	(16.362.424.623)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		100.137.532.071	146.549.402.895
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(148.788.933.736)	(230.774.673.516)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(48.651.401.665)	(84.225.270.621)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		113.774.332.436	(246.106.182.545)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		315.530.103.712	561.632.676.583
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.169.787.846	3.609.674
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>433.474.223.994</u>	<u>315.530.103.712</u>



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND (được chia thành 400.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND).

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 154 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 161 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ góp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngoài ra, lợi nhuận góp còn biến động do tại Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) đã hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho lớn khoảng 25,4 tỷ VND, đồng thời lãi góp ở công ty này tăng mạnh so với năm trước (năm trước quyết toán Gói thầu A2: Kho chứa và các đường ống dẫn liên kết thuộc Tổ hợp hóa dầu Long Sơn dẫn tới lỗ lớn). Đồng thời, chi phí tài chính của Tổng Công ty giảm mạnh do khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm mạnh do Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi tồn đọng. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động mạnh của các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.998,41 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 4.005,33 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.393,51 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 781,85 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 5.503,17 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 787,77 tỷ VND), các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 1.209,95 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.063,22 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Một số Báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty cũng tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục như: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và

Thương mại Dầu khí Thái Bình. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Đến nay, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư, Tổng Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Tổng Công ty trình Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang quyết liệt thực hiện các giải pháp khác và tin tưởng rằng các giải pháp này sẽ thành công và Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	48,62%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh" và "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Tổng Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần

có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê đất
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 38 năm
--------------------------	-------------

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay

đối về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, các BCC của Tổng Công ty là BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, kế toán tiếp tục thực hiện:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.16 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

2.17 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.22 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.25 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.26 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Thông tin bộ phận

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	5.238.205.288	4.222.971.623
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	250.553.325.788	244.844.247.700
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	13.978.111.303	236.463.571
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương)	2.254.370.501	2.156.731.548
- Các ngân hàng khác	234.320.843.984	242.451.052.581
Các khoản tương đương tiền (i)	177.682.692.918	66.462.884.389
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	4.200.000.000	7.500.000.000
- Các ngân hàng khác	173.482.692.918	58.962.884.389
	433.474.223.994	315.530.103.712
Trong đó số dư với các bên liên quan		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	18.178.111.303	7.736.463.571
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.978.111.303	236.463.571
- Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	7.500.000.000

(i) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 177.606.842.529 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,8 %/năm đến 4,5 %/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	253.490.326.478	-	310.112.549.041	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	35.780.000.000		43.773.589.041	
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương)	45.316.000.000		45.316.000.000	
- Các ngân hàng khác	172.394.326.478		221.022.960.000	
	253.490.326.478	-	310.112.549.041	-
Trong đó số dư với các bên liên quan				
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	35.780.000.000	-	43.773.589.041	-

(i) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 253.490.326.478 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4 %/năm đến 7,3 %/năm.

Trong đó:

- Các khoản tiền với giá trị là 153.794.326.478 VND đang được cầm cố cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (Xem thuyết minh 24);
- Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 45,3 tỷ VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản tiền này sẽ được chi trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
- Khác	300.000.000	-	300.000.000	-
	14.900.000.000	(13.885.000.000)	14.900.000.000	(13.885.000.000)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

Mã CK	Địa chỉ	31/12/2024			01/01/2024			
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	
-	Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC		Hà Nội	44,00%	44,00%	-	44,00%	-
-	Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	PID	Hà Nội	49,98%	49,98%	-	49,98%	-
-	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	Nghệ An	22,64%	22,64%	-	22,64%	-
-	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	-	24,72%	-
-	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		Hải Phòng	42,46%	42,46%	31.417.598.211	42,46%	31.413.604.516
-	Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (I)		Hà Nội	97,22%	35,05%	790.931.300	97,22%	1.699.762.496
-	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)		Hà Nội	35,83%	35,83%	-	35,83%	-
-	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí		Hà Nội	40,00%	40,00%	-	40,00%	-
-	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	-	36,00%	-
-	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh		Thanh Hóa	35,01%	43,16%	-	35,01%	-
-	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	-	48,27%	-
				32.208.529.511			33.113.367.012	

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc		Dự phòng	Giá gốc		Dự phòng
	VND	Giá trị hợp lý VND		VND	Giá trị hợp lý VND	
- Công ty CP Xi măng Hạ Long (ii)	147.300.000.000		(147.300.000.000)	147.300.000.000		(147.300.000.000)
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	23.500.000.000		(1.200.936.821)	23.500.000.000		(11.288.806.120)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (ii)	12.500.000.000		(1.488.246.800)	12.500.000.000		(1.488.246.800)
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (ii)	3.000.000.000		-	3.000.000.000		-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	2.795.000.000		-	2.795.000.000		-
- Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (ii)	2.500.000.000		-	2.500.000.000		-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (ii)	5.400.000.000		(5.400.000.000)	5.400.000.000		(5.400.000.000)
- Các khoản đầu tư dài hạn khác (ii)	9.318.000.000		(4.231.833.881)	9.318.000.000		(4.231.833.881)
	<u>206.313.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(159.621.017.502)</u>	<u>206.313.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(169.708.886.801)</u>

(ii) Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và khoảng 159,61 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: khoảng 169,71 tỷ VND và khoảng 169,71 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2023 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác, do đó dự phòng đầu tư tài chính đang được trích theo báo cáo tài chính các năm trước của các Công ty này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương") mà hiện nay cũng đang là chủ thể đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất nêu trên.

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Ngày 25/09/2024, Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này Tổng Công ty đang làm các thủ tục để sang tên lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty và Tổng Công ty đang làm việc với PVC Kinh Bắc để xác định lại tỷ lệ góp vốn. Với các sự kiện phát sinh trong năm 2024 nêu trên, Tổng Công ty đánh giá rằng khoản tiền 21 tỷ VND góp vốn vào Kinh Bắc không còn dấu hiệu tổn thất nên thực hiện hoàn nhập lại toàn bộ dự phòng đối với số vốn góp này.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	15,67%	15,67%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Xây lắp
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây lắp
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Nam Định	5,00%	5,00%	Xây lắp
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	Hà Nội	7,25%	7,25%	Xây lắp

5 PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	1.262.598.515.463	(157.219.916.726)	1.376.107.972.842	(175.473.412.734)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	1.259.134.326	-	1.222.552.452	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.548.525.269	-	5.546.942.139	(4.011.796.202)
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	881.154.608.947	-	1.054.967.889.619	-
Viện Dầu khí Việt Nam	36.963.772.960	(747.531.048)	42.686.383.664	(747.531.048)
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	-	50.006.385.426	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	(91.619.056.480)	91.451.422.013	(91.451.422.013)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.291.878.505	(200.156.144)	23.291.878.505	(23.291.878.505)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.858.853.155	(27.158.853.155)	27.858.853.155	(27.158.853.155)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	(1.518.493.750)	6.097.621.800	(1.518.493.750)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-	16.811.955	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	41.635.737.524	(23.330.868.807)	41.635.737.524	(14.648.480.719)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	23.115.000	-	40.631.752	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	532.785.009	(532.785.009)	532.785.009	(532.785.009)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.518.282.409	(9.518.282.409)	9.518.282.409	(9.518.282.409)
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	(366.052.500)	366.052.500	(366.052.500)
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	16.235.738.266	-	1.139.905.494	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	50.742.318.506	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	-	2.000.000.002	-
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	62.166.603	(62.166.603)	62.166.603	(62.166.603)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	(2.165.670.821)	2.165.670.821	(2.165.670.821)
Bên khác	400.661.881.729	(118.331.077.589)	402.495.375.317	(119.980.357.304)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	69.049.973.934	-	90.555.700.071	-
Các đối tượng khác	331.611.907.795	(118.331.077.589)	311.939.675.246	(119.980.357.304)
	1.663.260.397.192	(275.550.994.315)	1.778.603.348.159	(295.453.770.038)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị		Giá trị	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan				
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	263.575.778.518	(176.901.545.306)	263.575.778.518	(198.610.409.612)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	54.324.395.257	(26.196.864.426)	54.324.395.257	(47.905.728.732)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	229.674.800	(160.772.360)	229.674.800	(160.772.360)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	11.617.459.964	(11.617.459.964)	11.617.459.964	(11.617.459.964)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.418.342.062	-	3.418.342.062	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	28.268.366.989	(26.744.518.395)	28.268.366.989	(26.744.518.395)
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	42.215.869.300	-	42.215.869.300	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	14.556.466.443	(3.236.726.458)	14.556.466.443	(3.236.726.458)
	80.284.927	(80.284.927)	80.284.927	(80.284.927)
Bên khác				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	306.584.567.427	(134.263.221.795)	317.022.691.226	(135.686.448.006)
Các đối tượng khác	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
	193.197.687.686	(116.407.064.158)	203.635.811.485	(117.830.290.369)
	570.160.345.945	(311.164.767.101)	580.598.469.744	(334.296.857.618)
b) Dài hạn				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	6.641.430.501	(6.641.430.501)	6.641.430.501	(6.641.430.501)
Các đối tượng khác	2.620.805.510	(2.444.337.557)	5.843.946.010	(5.544.337.557)
	9.262.236.011	(9.085.768.058)	12.485.376.511	(12.185.768.058)

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÂN HẠN

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan						
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	355.676.953.493	(269.172.594.052)	-	-	355.676.953.493	(269.172.594.052)

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (Oceanbank - nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank, thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	2.994.975.148	-	2.927.020.063	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	6.750.990.000	(6.750.990.000)
Phải thu về tạm ứng	48.314.987.793	(3.630.344.555)	33.656.335.841	(2.314.861.215)
Ký cược, ký quỹ	4.158.250.243	-	2.877.906.083	-
Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	109.513.848.523	(27.733.568.215)	103.642.031.545	(27.733.568.215)
Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
Phí trọng tài quốc tế chưa có phán quyết (ii)	4.889.875.320	-	-	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
Phải thu các đội xây dựng	16.819.381.673	(16.819.381.673)	16.819.381.673	(16.819.381.673)
Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	(4.917.824.644)	4.917.824.644	(4.917.824.644)
Các đối tượng khác	152.056.045.019	(67.530.631.035)	158.548.872.975	(78.116.126.682)
	419.600.886.765	(196.125.982.674)	399.325.071.226	(205.395.994.981)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	23.954.471.912	-	24.600.907.484	-
Công ty CP Dầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	4.613.461.725	-	6.813.461.725	-
	28.567.933.637	-	31.414.369.209	-

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Công ty CP Dầu tự Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	56.894.768.733	(3.778.366.082)	54.652.022.135	(3.778.366.082)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	48.630.948.027	(6.138.310.290)	45.288.741.083	(6.138.310.290)
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	(4.742.067.735)	6.840.056.555	(4.742.067.735)
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	(3.899.613.813)	5.360.238.712	(3.899.613.813)
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	(8.125.138.911)	20.507.270.308	(8.125.138.911)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.441.887.388	-	2.155.023.952	-
- Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	2.008.154.052	(2.008.154.052)	2.008.154.052	(2.008.154.052)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	368.366.166	-	368.366.166	-
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	274.000.624	-	274.000.624	-
- Viện Dầu khí Việt Nam	124.742.000	-	-	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	(28.795.218.993)	28.795.218.993	(28.795.218.993)
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	1.669.212.234	-	1.669.212.234	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.920.077.263	-	201.367.500	-
	202.249.334.632	(83.901.263.453)	194.534.065.891	(83.901.263.453)

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 39).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đệ trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 17). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Phải thu của khách hàng	328.178.418.416	52.627.424.101	322.011.907.329	26.558.137.291
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	-	91.600.768.048	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.158.853.155	-	27.158.853.155	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.291.878.505	23.091.722.361	23.291.878.505	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	25.401.643.107	2.070.774.300	17.181.317.789	2.532.837.070
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	29.273.930.682	-	29.273.930.682	-
Công ty CP Vinaconex 39	1.080.360.052	-	1.410.881.052	-
Công ty CP Tập đoàn Dầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.570.821	-	2.165.570.821	-
Công ty CP TID	19.604.536.064	17.448.428.851	19.604.536.064	17.448.428.851
Các đối tượng khác	90.010.370.500	10.016.498.589	91.751.952.163	6.576.871.370
b) Trả trước cho người bán	355.052.884.287	34.802.349.128	359.576.110.492	13.093.484.816
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	31.212.207.481	6.714.619.343	31.212.207.481	6.714.619.343
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.617.459.964	-	11.617.459.964	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
Công ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	35.492.285.199	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Dầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Các đối tượng khác	38.539.088.083	5.219.940.661	41.639.088.077	5.219.940.655

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND
c) Phải thu về cho vay	355.676.953.493	86.504.359.441	355.676.953.493	86.504.359.441
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
Công ty CP Dầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
d) Phải thu khác ngắn hạn	221.087.755.915	24.961.773.241	225.252.249.885	19.856.254.904
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
Công ty CP Dầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	163.889.314	-	163.889.314	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
Công ty CP Dầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	17.731.272.367	21.447.520.000	17.731.272.367
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	-
Công ty CP Vinaconex 39	103.192.384	-	103.192.384	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	-	33.584.659.686	-
Công ty CP Hasky	2.196.348.696	-	8.000.000.000	-
Công ty CP Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	62.886.570.931	2.488.433.139	61.247.413.597	2.124.982.537
	1.259.996.012.111	198.895.905.911	1.262.517.221.199	146.012.236.452

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.465.655.339	(3.169.300.408)	6.381.458.734	(3.249.102.270)
Công cụ, dụng cụ	4.920.179.637	(641.939.651)	5.316.250.080	(126.922.432)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	1.867.032.182.874	(104.607.633.381)	2.000.581.148.008	(126.643.454.088)
Hàng hoá (ii)	59.400.887.454	(11.410.834.208)	61.546.849.442	(15.196.626.123)
	1.937.818.905.304	(119.829.707.648)	2.073.825.706.264	(145.216.104.913)

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.400.422.457.557	1.466.587.845.156
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	245.057.868.468
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (**)	32.986.594.500	32.986.594.500
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	109.132.879.549	108.261.716.656
Các công trình khác	79.432.382.800	147.687.123.228
	1.867.032.182.874	2.000.581.148.008

(*) Công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lượng hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(**) Đây là phần chi phí dở dang còn lại của hạng mục công trình thuộc dự án Khu phức hợp Thương mại- Dịch vụ- Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 tuy nhiên chưa được phê duyệt quyết toán.

(ii) Giá trị hàng hóa tồn kho tại 01/01/2024 và 31/12/2024 bao gồm các căn hộ thuộc dự án chung cư khách sạn Dầu khí Thái Bình có giá trị 36.302.881.834 VND do Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình là chủ đầu tư. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của các bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.739.278.366	591.987.049
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	703.886.756	1.546.812.017
	3.443.165.122	2.138.799.066
b) Dài hạn		
Chi phí hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	77.108.006.166	80.035.871.604
Chi phí thuê văn phòng	5.472.381.608	6.777.404.290
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.290.062.911	11.812.380.793
Chi phí sửa chữa tài sản	5.680.032.353	6.490.156.446
Chi phí trả trước dài hạn khác	734.225.129	6.506.021.273
	100.284.708.167	111.621.834.406

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.164.275.589.079	334.800.013.234	121.550.354.049	27.895.752.081	1.648.521.708.443
- Mua trong năm	45.146.626.503	159.238.587	819.163.636	154.980.000	46.280.008.726
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.422.148.217	-	-	-	6.422.148.217
- Điều chỉnh khác	(2.350.290.870)	-	-	-	(2.350.290.870)
- Phân loại lại	(591.844.837)	-	-	-	(591.844.837)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.862.559.595)	(42.076.770.256)	(11.948.259.847)	(345.750.000)	(56.233.339.698)
- Tháo dỡ tài sản	(15.074.640.006)	-	-	-	(15.074.640.006)
Số dư cuối năm	1.195.965.028.491	292.882.481.565	110.421.257.838	27.704.982.081	1.626.973.749.975
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	439.949.429.348	307.304.847.845	120.695.713.286	27.660.620.124	895.610.610.603
- Khấu hao trong năm	24.919.064.813	9.866.049.908	279.120.226	150.705.909	35.214.940.856
- Điều chỉnh khác	(921.509.043)	-	-	-	(921.509.043)
- Phân loại lại	(228.110.451)	-	-	-	(228.110.451)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.862.559.595)	(40.871.244.191)	(11.948.259.847)	(345.750.000)	(55.027.813.633)
- Tháo dỡ tài sản	(15.002.237.429)	-	-	-	(15.002.237.429)
Số dư cuối năm	446.854.077.643	276.299.653.562	109.026.573.665	27.465.576.033	859.645.880.903
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	724.326.159.731	27.495.165.389	854.640.763	235.131.957	752.911.097.840
Tại ngày cuối năm	749.110.950.848	16.582.828.003	1.394.684.173	239.406.048	767.327.869.072

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 374.037.139.512 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 348.305.574.940 VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 401.187.220.987 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 429.617.097.053 VND).

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	262.931.666.520	21.461.212.382	284.392.878.902
Số dư cuối năm	262.931.666.520	21.461.212.382	284.392.878.902
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.515.034.707	19.666.862.255	26.181.896.962
- Khấu hao trong năm	413.668.608	563.306.664	976.975.272
- Giảm khác	(440.700.000)	-	(440.700.000)
Số dư cuối năm	6.488.003.315	20.230.168.919	26.718.172.234
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	256.416.631.813	1.794.350.127	258.210.981.940
Tại ngày cuối năm	256.443.663.205	1.231.043.463	257.674.706.668

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 19.571.292.382 VND (tại ngày 01/01/2024 là 19.571.292.382 VND).

- (i) Bao gồm trong đó giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu của Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được UBND tỉnh Bà Rịa Vũng tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28 tháng 07 năm 2008 với nguyên giá 15.166.470.000 VND và giá trị còn lại tại 31/12/2024 là 8.678.466.685 VND.

Khu đất này được đầu tư xây dựng dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng và đã được bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2014. Vào ngày 24/08/2017, thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi để cấp mới cho tài sản trên đất là các căn hộ chung cư và khối văn phòng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 920280 và Giấy chứng nhận theo hồ sơ số 000038.TS, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng tại thửa đất số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Giá trị tài sản là phần diện tích khu văn phòng cho thuê nêu trên đang được Tổng Công ty trình bày trên khoản mục tài sản cố định vô hình với giá trị là 15.166.470.000 VND và bất động sản đầu tư với giá trị là 17.530.390.046 VND.

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	101.148.289.217	101.148.289.217
- Mua trong năm	20.379.043.182	20.379.043.182
- Điều chỉnh khác	734.293.717	734.293.717
- Phân loại lại	591.844.837	591.844.837
- Giảm do chuyển sang hàng tồn kho	(11.785.626.765)	(11.785.626.765)
Số dư cuối năm	111.067.844.188	111.067.844.188
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	23.182.508.848	23.182.508.848
- Khấu hao trong năm	2.185.280.762	2.185.280.762
- Điều chỉnh khác	272.831.032	272.831.032
- Phân loại lại	228.110.451	228.110.451
- Giảm do chuyển sang hàng tồn kho	(308.875.090)	(308.875.090)
Số dư cuối năm	25.559.856.003	25.559.856.003
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	77.965.780.369	77.965.780.369
Tại ngày cuối năm	85.507.988.185	85.507.988.185

Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: tại ngày 31/12/2024 là 54.565.800.473 VND (tại ngày 01/01/2024 là 55.737.815.519 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.922.605.745	2.210.996.386	7.922.605.745	2.210.996.386
	71.643.835.139	25.064.213.539	71.643.835.139	25.064.213.539

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty đã thi công tại công trình này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm	147.550.832	-
- Mua sắm tài sản	147.550.832	-
Xây dựng cơ bản	113.303.806.575	111.661.268.283
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp(ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
- Các công trình, dự án khác (iii)	4.402.194.406	2.759.656.114
	113.451.357.407	111.661.268.283

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Dolphin Plaza (i)	26.233.304.440	27.233.304.440
Góp vốn hợp tác Dự án Long Sơn Riverside (ii)	12.897.200.000	12.897.200.000
	39.130.504.440	40.130.504.440

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 0211/2010/HĐHTKD ngày 02/11/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô - công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID ("TID") :

- Mục đích đầu tư: Xây dựng công trình Dolphin Plaza tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội;
- Tổng giá trị hợp đồng: 268.706.631.405 VND, trong đó vốn góp giá trị quyền sử dụng đất là 189.793.800.000 VND và góp bằng tiền là 79.033.520.990 VND;
- Hình thức góp vốn: Theo cam kết trong hợp đồng, PVC-Đông Đô sẽ góp 51.054.259.967 VND. Trong đó, giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng lô đất là 36.060.822.000 VND và giá trị vốn bằng tiền là 14.993.437.967 VND tương ứng với tỷ lệ 19% khoản vốn góp bằng tiền vào dự án; Ngày 18/01/2015, PVC-Đông Đô đã ký kết Phụ lục số 03 kèm theo của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD với TID để rút một phần vốn góp với giá trị 13.953.720.233 VND khỏi dự án dẫn đến tỷ lệ vốn bằng tiền còn lại là 1,6% và tổng giá trị vốn góp còn lại tại Dự án là 37.100.539.734 VND; PVC-Đông Đô được chia 1,6% lợi nhuận kinh doanh từ khai thác dự án;
- Thanh toán và thanh lý hợp đồng:
 - ❖ PVC-Đông Đô đã nhận chuyển nhượng 154 m² phần diện tích khu dịch vụ thương mại trị giá 3.527.682.675 VND từ TID theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP/HĐ/TID-PVFC Land ký ngày 18/01/2017. Số tiền này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu (khoản rút vốn 13.953.720.233 VND đã nêu trên, thực thu về bằng tiền là 10.426.037.558 VND).
 - ❖ Ngày 23/12/2022, PVC-Đông Đô đã nhận 3 căn hộ với tổng trị giá 9.867.235.294 VND theo biên bản thỏa thuận về xử lý nghĩa vụ thanh toán số 5010-3/2022/ĐĐ-HP-TID, 5000-3/2022/ĐĐ-HP-TID và 4990-1/2022/ĐĐ-HP-TID ngày 23/12/2022. Giá trị 3 căn hộ này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu.
 - ❖ Ngày 16/01/2024 và ngày 05/02/2024 PVC-Đông Đô đã nhận được 500.000.000 VND mỗi lần.
 - ❖ Ngày 20/01/2025, PVC-Đông Đô và TID đã ký biên bản bù trừ công nợ với khoản phải trả người bán số tiền 7.566.201.080 VND.
 - ❖ Ngày 21/01/2025, PVC-Đông Đô và TID đã ký biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo đó, TID hoàn trả cho PVC-Đông Đô số tiền đã chuyển để được tham gia thực hiện dự án còn lại và phần vốn góp để thực hiện dự án còn lại, tổng số tiền là 18.667.103.593 VND sau khi bù trừ công nợ số tiền 7.566.201.080 VND ngày 20/01/2025 (nêu trên).

(ii) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/06/2010:

- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (IDICO Long Sơn); Công ty CP Xây dựng Thương mại dịch vụ Khang Thông (Khang Thông); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC - Công ty con của Tổng Công ty) tỷ lệ góp vốn lần lượt là 85%, 5% và 10%;
- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nội dung hợp tác: kinh doanh phần diện tích căn hộ chung cư, trung tâm thương mại cùng các giá trị tài sản khác hình thành trong quá trình đầu tư, khai thác, kinh doanh dự án;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Các bên tham gia được hưởng lợi nhuận, gánh chịu rủi ro lỗ hoặc các khoản rủi ro kinh doanh trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành (IDICO Long Sơn) và theo tỷ lệ góp vốn.

Tại ngày 31/12/2024: dự án đã hoàn thành thi công, mở bán và kinh doanh với phần căn hộ, diện tích sàn trung tâm thương mại. Đến thời điểm hiện tại, Do dự án đang vướng thủ tục pháp lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở lâu dài nên PVC-IC chưa nhận kết quả phân chia kinh doanh từ Hợp đồng này.

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	410.901.334.379	410.901.334.379	373.536.123.490	373.536.123.490
Công ty CP Dầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	7.976.738.009	7.976.738.009	9.651.322.919	9.651.322.919
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	-	-	9.868.980	9.868.980
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4.042.951.289	4.042.951.289	11.660.000	11.660.000
Công ty CP Dầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	27.903.667.974	27.903.667.974	7.653.351.367	7.653.351.367
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	177.207.065.265	177.207.065.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	60.399.700.035	60.399.700.035	60.699.700.035	60.699.700.035
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	15.291.823.474	15.291.823.474	223.766.591	223.766.591
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
Bên khác	2.844.037.304.732	2.844.037.304.732	2.966.990.608.227	2.966.990.608.227
Công ty Công nghiệp Daelim (ii)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.021.927.357.960	1.021.927.357.960
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	206.781.647.084	206.781.647.084	290.662.562.403	290.662.562.403
Tập đoàn Sojitz	111.744.046.642	111.744.046.642	139.552.763.255	139.552.763.255
Tập đoàn Điện lực	166.965.691.507	166.965.691.507	138.384.094.434	138.384.094.434
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	95.708.461.469	95.708.461.469	111.729.842.747	111.729.842.747
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914
S-Tank Engineering Co., Ltd	68.276.803.542	68.276.803.542	68.212.976.582	68.212.976.582
Các đối tượng khác	1.089.162.056.270	1.089.162.056.270	1.135.542.054.932	1.135.542.054.932
	3.254.938.639.111	3.254.938.639.111	3.340.526.731.717	3.340.526.731.717
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Phải trả cho các đối tượng khác	557.350.620.505	557.350.620.505	408.935.840.838	408.935.840.838
	557.350.620.505	557.350.620.505	408.935.840.838	408.935.840.838

(i) Số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 39).

(ii) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận tư cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phản tố là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Thủ tục tố tụng ("PO số 1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.

Song song với công tác tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, Tổng Công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Daelim E&C và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	82.778.475.899	108.560.908.084
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	25.782.432.185
Bên khác	149.463.983.138	105.154.304.724
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	55.897.285.149	55.897.285.149
Các đối tượng khác	75.953.758.689	31.644.080.275
	232.242.459.037	213.715.212.808

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	57.540.554.211	29.165.976.686	32.523.928.871	30.465.765	54.182.602.026
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	305.257.254	305.257.254	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.244.408.046	1.744.161.531	2.077.618.123	497.536.232	34.516.789.923	2.596.625.299
Thuế thu nhập cá nhân	78.878.745	5.107.457.744	4.310.914.079	3.051.673.080	66.785.689	6.354.605.687
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	13.486.234.828	8.310.931.792	5.001.142.124	-	16.796.024.496
Các loại thuế khác	-	1.378.922.600	996.247.169	1.608.136.839	-	767.032.930
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nợ khác	783.720	42.986.408.706	4.708.137.543	3.158.960.070	3.783.720	44.538.586.179
	35.373.790.979	122.243.739.620	49.875.082.646	46.146.634.470	34.637.079.800	125.235.476.617

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	200.381.246.911	172.754.276.659
Trích trước chi phí công trình xây lắp	246.186.568.775	256.446.230.095
Chi phí phải trả khác	6.587.059.906	22.622.170.177
	453.154.875.592	451.822.676.931
b) Dài hạn		
Trích trước chi phí công trình xây lắp	115.497.608.588	71.310.452.285
	115.497.608.588	71.310.452.285

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	6.249.109.721	3.181.130.462
	6.249.109.721	3.181.130.462
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	50.632.252.045	52.080.093.597
Lãi bán tài sản và thuê lại thuê tài chính	199.251.272	295.595.888
	50.831.503.317	52.375.689.485

(i) Trong đó bao gồm: 42.996.289.426 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.393 VND. Sau tháng 12 năm 2014 dự án có chủ trương bàn giao về cho UBND tỉnh Tiền Giang đến nay vẫn chưa hoàn thành (xem thuyết minh số 15) do đó Tổng Công ty vẫn chưa làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

22 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	17.130.137	17.130.137
Kinh phí công đoàn	8.590.345.771	10.545.587.233
Bảo hiểm xã hội	7.137.502.411	9.746.256.579
Bảo hiểm y tế	732.541.283	1.559.849.946
Bảo hiểm thất nghiệp	485.828.275	840.643.598
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.128.850.588	2.736.317.506
Cổ tức lợi nhuận phải trả	40.394.150.917	41.546.662.078
Chi phí lãi vay	1.246.252.165	3.927.276.443
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	172.784.334.551	162.596.140.733
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (iv)	56.212.500.000	56.212.500.000
Phí bảo trì chung cư phải trả	10.249.210.378	10.727.767.930
Các quỹ ủng hộ	3.876.584.784	3.914.284.784
Các khoản khác	84.559.547.037	91.242.670.601
	582.456.022.299	587.654.331.570

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.873.199.868	1.599.775.187
Các khoản khác	50.000.000	50.000.000
	2.923.199.868	1.649.775.187
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả cơ quan bảo hiểm	12.378.319.651	10.026.679.284
- Cổ tức phải trả	42.451.440.707	44.335.430.209
- Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
	56.164.579.143	55.696.928.278
d) Trong đó: Bên liên quan		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.098.464.510	54.098.464.510
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	56.212.500.000	56.212.500.000
- Viện Dầu khí Việt Nam	2.698.186.687	-
- Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	667.975.776	667.975.776
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.715.555	14.715.555
	122.389.529.154	119.691.342.467

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 39.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank – nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng công ty và chi phí lãi vay mà Tổng công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 7) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(iv) Khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư cho Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) tại dự án Bạc Liêu Tower. Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí có nghĩa vụ phải thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam số tiền này theo hợp đồng ký ngày 12 tháng 8 năm 2010.

23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	10.778.488.744	20.487.803.160
	10.778.488.744	20.487.803.160

24 CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (i)						
Vay ngắn hạn	102.263.411.795	102.263.411.795	100.137.532.071	148.574.533.736	53.826.410.130	53.826.410.130
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	627.179.637.122	627.179.637.122	14.000.000.000	214.400.000	640.965.237.122	640.965.237.122
	<u>729.443.048.917</u>	<u>729.443.048.917</u>	<u>114.137.532.071</u>	<u>148.788.933.736</u>	<u>694.791.647.252</u>	<u>694.791.647.252</u>
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	665.179.637.122	665.179.637.122	-	214.400.000	664.965.237.122	664.965.237.122
	<u>665.179.637.122</u>	<u>665.179.637.122</u>	<u>-</u>	<u>214.400.000</u>	<u>664.965.237.122</u>	<u>664.965.237.122</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(627.179.637.122)	(627.179.637.122)	(14.000.000.000)	(214.400.000)	(640.965.237.122)	(640.965.237.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>38.000.000.000</u>	<u>38.000.000.000</u>			<u>24.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các cá nhân như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2024	01/01/2024
					VND	VND
Vay ngắn hạn					53.826.410.130	102.263.411.795
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	VND	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	20.767.010.130	22.921.891.805
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	VND	9,10%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Thả nổi	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp	9.336.400.000	67.265.907.564
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng	VND	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp	-	1.705.612.426
Đối tượng khác	VND	(*)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	23.723.000.000	10.370.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả					640.965.237.122	627.179.637.122
					694.791.647.252	729.443.048.917

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Các khoản vay đối tượng khác là vay cá nhân có lãi suất từ 0% đến 12%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư gốc vay ngắn hạn đã quá hạn, chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 20.767.010.130 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 22.541.829.915 VND), Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Loại tiền	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2024	01/01/2024
VND						VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương)						
- Hợp đồng số 603/2011/HDDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND 4,90%	Năm 2017	Đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Tín chấp	575.670.157.122	575.670.157.122
- Hợp đồng số 602/2011/HDDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND 4,90%	Năm 2017	Vay đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND 5,50%	Năm 2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tín chấp	310.670.157.122	310.670.157.122
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam						
- Hợp đồng số 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB ngày 04/06/2015	VND Thả nổi	Năm 2027	Bù đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	89.295.080.000	89.295.080.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	VND 11,00%	Năm 2024	Đầu tư mua máy móc thiết bị	Thế chấp	-	214.400.000
					<u>664.965.237.122</u>	<u>665.179.637.122</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(640.965.237.122)	(627.179.637.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					<u>24.000.000.000</u>	<u>38.000.000.000</u>

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank, thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000		6.831.719.482		22.681.220.411		(29.720.195)		150.859.427.814		2.162.412.232		(3.840.619.958.047)		463.734.875.583		805.619.977.280	
Lỗ trong năm trước	-		-		-		-		-		-		(21.340.851.149)		(72.924.920.097)		(94.265.771.246)	
Tăng khác	-		-		-		-		-		-		188.294.777		180.910.679		369.205.456	
Số dư cuối năm trước	4.000.000.000.000		6.831.719.482		22.681.220.411		(29.720.195)		150.859.427.814		2.162.412.232		(3.861.772.514.419)		390.990.866.165		711.723.411.490	
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000		6.831.719.482		22.681.220.411		(29.720.195)		150.859.427.814		233.648.426		(4.005.332.783.992)		351.392.991.901		526.636.503.847	
Lỗ trong năm nay	-		-		-		-		-		-		7.369.885.195		(4.756.862.176)		2.613.023.019	
Thay đổi khác	-		-		-		-		-		-		(449.100.176)		209.450.294		(239.649.882)	
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000		6.831.719.482		22.681.220.411		(29.720.195)		150.859.427.814		233.648.426		(3.998.411.998.973)		346.845.580.019		529.009.876.984	



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2024</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2024</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
Cộng	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	150.859.427.814	150.859.427.814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	233.648.426	233.648.426
	<u>151.093.076.240</u>	<u>151.093.076.240</u>

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
USD	7.365.086,17	8.454.808,97

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.006.001	11.112.006.001

27 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.139.490.403	187.503.077.524
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.061.700.329.493	967.986.570.566
Doanh thu kinh doanh bất động sản	12.443.089.233	-
Doanh thu khác	65.723.197.825	34.231.263.526
	1.213.006.106.954	1.189.720.911.616
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.213.006.106.954	1.189.720.911.616
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	840.980.581.557	856.441.598.446

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	62.963.286.487	184.289.184.998
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.046.095.523.656	1.078.600.437.753
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	7.540.768.826	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.386.397.265)	(17.249.233.471)
Giá vốn khác	70.124.234.490	38.515.926.422
	1.161.337.416.194	1.284.156.315.702
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	1.854.288.043	2.172.748.009

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.228.895.796	23.680.592.035
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.969.748.195	13.981.770.251
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.275.931.351	989.954.564
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	396.759.060	2.983.017.832
	42.871.334.402	41.635.334.682

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	36.198.593.108	41.107.144.907
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	7.636.363	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	32.431.360.267	22.331.501.488
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	106.143.505	1.244.123.664
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(10.087.869.299)	10.277.811
Chi phí tài chính khác	5.123.263.246	6.397.109.011
	63.779.127.190	71.090.156.881
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	26.876.666.751	26.935.872.213

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	703.818.133	776.127.427
Chi phí nhân công	79.755.631.970	81.261.380.797
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	845.794.350	856.022.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.708.692.400	5.966.898.563
Thuế, phí và lệ phí	7.619.286.748	6.863.980.032
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(55.143.154.547)	(4.280.392.869)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.662.691.770	12.990.247.864
Chi phí khác bằng tiền	17.977.194.312	21.687.353.868
	74.129.955.136	126.121.618.228
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	117.600.000	121.800.000

32 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.389.581.387	1.316.451.174
Tiền phạt được hưởng	1.325.025.483	1.720.549.012
Thu tiền bồi thường	444.318.134	314.006.687
Nợ phải trả được xóa theo thỏa thuận	44.715.422.210	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	8.720.524.900	2.616.500.000
Thu nhập khác	3.304.241.726	1.389.702.571
	62.899.113.840	7.357.209.444

33 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	2.533.444.159	193.972.256
Các khoản bị phạt	7.108.413.730	3.925.687.952
Các khoản khác	2.101.664.083	19.157.836.631
	11.743.521.972	23.277.496.839

34 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) công ty con	2.077.618.123	-
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	727.618.123	-
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.350.000.000	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.077.618.123	-

35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	18.801.350.080	19.230.752.273
	18.801.350.080	19.230.752.273

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	116.962.081	(1.895.066.065)
	116.962.081	(1.895.066.065)

36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.369.885.195	(159.622.569.205)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.369.885.195	(159.622.569.205)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	399.997.029	399.997.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	(399)

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167.289.774.429	210.609.132.754
Chi phí nhân công	238.685.019.893	276.686.362.494
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.117.633.493	2.864.053.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.785.216.032	43.987.463.802
Thuế, phí và lệ phí	8.402.256.023	4.717.944.623
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(55.404.878.547)	(5.774.234.001)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	626.919.260.057	842.341.596.615
Chi phí khác bằng tiền	31.340.926.669	42.578.197.418
	<u>1.058.135.208.049</u>	<u>1.418.010.517.284</u>

38 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	100.137.532.071	146.549.402.895

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	148.788.933.736	230.774.673.516

39 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TẮNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương) - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			<u>155.046.350.336</u>	<u>155.046.350.336</u>	<u>137.942.779.491</u>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024:

- Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoản 91 tỷ VND;
 - Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoản 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.
- Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty tại thư bảo lãnh cho công ty CP xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - chi nhánh Sài Gòn (sau đó đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - chi nhánh Sài Gòn, đến nay đổi tên là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng công ty cam kết và bảo đảm với Tổng công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó Thanh tra Chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối;
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lắp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tài ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

40 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án của là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đang đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC. Đồng thời, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-DHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025

41 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

42 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP)	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng	840.980.581.557	856.441.598.446
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	473.164.613.532	735.572.194.711
Viện Dầu khí Việt Nam	-	8.938.321.437
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	367.815.968.025	110.511.602.298
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	1.419.480.000
Mua hàng hóa dịch vụ	28.848.554.794	29.230.420.222
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.854.288.043	2.172.748.009
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	-	4.200.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	26.876.666.751	26.935.872.213
Viện Dầu khí Việt Nam	117.600.000	117.600.000

Thủ lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc,

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị		2.207.775.913	2.258.749.896
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	545.647.303	543.276.735
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	244.285.000	249.555.000
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	479.906.106	504.420.370
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	466.008.070	495.761.660
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	471.929.434	465.736.130
Ban Tổng Giám đốc		2.014.722.793	2.155.452.151
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2024	449.814.957	-
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/01/2024	109.537.217	580.148.335
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	507.748.575	497.083.200
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/07/2023	-	328.577.304
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 30/05/2024	-	85.347.000
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/10/2023	464.890.490	76.673.500
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/11/2023	-	102.897.000
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	482.731.554	484.725.812
Ban Kiểm soát		506.218.999	502.385.625
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	441.418.999	432.185.625
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000	35.100.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000	35.100.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

43 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025